

I U L T C H C VÀ H O T N G

CÔNG TY C P H N THAN TÂY NAM Á MÀI – VINACOMIN

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số/NQ/ HC ngày 24 tháng 04 năm 2018
của Hội đồng Công ty Cổ phần Than Tây Nam Á Mài – Vinacomin)*

Quảng Ninh, tháng 04 năm 2018

M C L C

PH N M U	5
CH NG I:NH NG QUY NH CHUNG	6
i u 1. Gi i thích t ng , thu t ng trong i u l	6
i u 2. Tên, hình th c, tr s , chi nhánh, v n phòng i di n và th i h n ho t ng c a Công ty	7
i u 3. Ng i i di n theo pháp lu t c a Công ty	8
i u 4. M c tiêu và ngành, ngh kinh doanh c a Công ty	8
i u 5. Ph m vi kinh doanh và ho t ng	8
Ch ng II:V N I UL ,C PH N,C ÔNG SÁNG L P	9
i u 6. V n i ul , c ph n, c ông sáng l p	9
i u 7. Ch ng nh n c phi u	10
i u 8. Ch ng ch ch ng khoán, s ng ký c ông	11
i u 9. Chuy n nh ng c ph n	11
i u 10. Thu h i và thanh toán mua c ph n	12
Ch ng III:C C UT CH C,QU NTR VÀ KI M SOÁT	14
i u 11. C c ut ch c, qu n tr và ki m soát c a Công ty	14
M c 1:C ÔNG VÀ IH I NG C ÔNG	14
i u 12. Quy n c a c ông	14
i u 13. Ngh a v c a c ông	16
i u 14. ih i ng c ông	16
i u 15. Quy n và nhi m v c a ih i ng c ông	18
i u 16. Các i di n theo u quy n	19
i u 17. Thay i các quy n	21
i u 18. Tri ut ph p ih i ng c ông, ch ng trình h p và thông báo h p ih i ng c ông	21
i u 19. Các i u ki n t i n hành h p ih i ng c ông	23
i u 20. Th th c t i n hành h p và bi u quy t t i ih i ng c ông	23
i u 21. Thông qua quy t nh c a ih i ng c ông	25
i u 22. Th m quy n và th th c l y ý ki n c ông b ng v n b n thông qua quy t nh c a ih i ng c ông	26
i u 23. Biên b nh p ih i ng c ông	28
i u 24. Yêu c u h y b quy t nh c a ih i ng c ông	28
M c 2:H I NG QU NTR	29

điều 25. ng c , c thành viên H i ng qu n tr	29
điều 26. S l ng thành ph n, nhi m k H QT.....	30
điều 27. Quy n h n và nhi m v c a H i ng qu n tr	31
điều 29. Ch t ch H i ng qu n tr	34
điều 30. Các cu c h p c a H i ng qu n tr	35
điều 31. Các ti u ban c a H i ng qu n tr	38
điều 32. Ng i ph trách qu n tr công ty	38
M c 3:GIÁM C CÔNG TY	
VÀ NG I I U HÀNH KHÁC C A CÔNG TY	39
điều 33. T ch c b máy qu n lý	39
điều 34. Ng i i u hành Công ty	40
điều 35. B nhi m, mi n nhi m, nhi m v và quy n h n c a Giám c.....	40
M c 4: BAN KI M SOÁT	42
điều 36. ng c , c Ki m soát viên.....	42
điều 37. S l ng, thành ph n, nhi m k c a Ki m soát viên.....	43
điều 38. Ban ki m soát.....	44
M c 5: B U H I NG QU N TR VÀ BAN KI M SOÁT	47
điều 39. B u H i ng qu n tr và Ban ki m soát.....	47
M c 6: TRÁCH NHI M C A THÀNH VIÊN H QT, KI M SOÁT VIÊN,	
GIÁM C CÔNG TY VÀ NG I I U HÀNH KHÁC	48
điều 40. Trách nhi m c n tr ng c a thành viên H QT, Ban ki m soát, Giám c Công ty và ng i i u hành	48
điều 41. Trách nhi m trung th c và tránh các xung t v quy n l i.....	48
điều 42. Trách nhi m v thi th i và b i th ng.....	49
Ch ng IV: QUY N I U TR A S SÁCH VÀ H S CÔNG TY.....	50
điều 43. Quy n i u tra s sách và h s 	50
Ch ng V: CÔNG NHÂN VIÊN, CÔNG OÀN VÀ CÁC T CH C CHÍNH	
TR - XÃ H I TRONG CÔNG TY	51
điều 44. Công nhân viên, công oàn và t ch c chính tr - xã h i.....	51
Ch ng VI: PHÂN PH I L I NHU N.....	51
điều 45. Phân ph i l i nhu n.....	51
điều 46. C t c.....	51
Ch ng VII: TÀI KHO N NGÂN HÀNG, N M TÀI CHÍNH VÀ CH TÀI	
CHÍNH K TOÁN	52
điều 47. Tài kho n ngân hàng	52

điều 48. Nguyên bổ sung và điều chỉnh	52
điều 49. Nguyên tài chính	52
điều 50. Chế độ kế toán.....	53
Chương VIII: BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG	53
điều 51. Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý.....	53
điều 52. Báo cáo thường niên.....	54
điều 53. Công khai thông tin	54
Chương IX: KẾ MẠC TOÁN CÔNG TY	54
điều 54. Kế mảc toán.....	54
Chương X: CON ĐU	54
điều 55. Con đũa.....	54
Chương XI: CHẾ ĐỘ THO T RỪNG VÀ THANH LÝ	55
điều 56. Chế độ thỏ t rừng.....	55
điều 57. Thanh lý.....	55
Chương XII: GIỚI QUY ĐỊNH TRANH CHẤP NỘI BỘ	56
điều 58. Giới quy định tranh chấp nội bộ	56
Chương XIII: HỒ SƠ N THỊ HÀNH	56
điều 59. Bổ sung và sửa đổi điều chỉnh	56
điều 60. Hồ sơ thi hành.....	56

I U L
T CHỨC VÀ HO T NG C A CÔNG TY CỔ PHẦN THAN
TÂY NAM Á MÀI - VINACOMIN

PH N M U

1. Công ty cổ phần Than Tây Nam Á Mài - Vinacomin (đây gọi là “Công ty”) được thành lập theo Luật doanh nghiệp và theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 055975 do Sở Kế Hoạch và Thuế Tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 25 tháng 09 năm 1999; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay thế số 5700289499 ngày 13 tháng 10 năm 2014; Quyết định số 42/1999/QĐ-BCN ngày 16 tháng 07 năm 1999 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp về việc chuyển Xí nghiệp Than Cẩm Phả thuộc Công ty Than Quảng Ninh thành Công ty cổ phần Than Tây Nam Á Mài - Vinacomin.

2. Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Than Tây Nam Á Mài - Vinacomin được xây dựng trên cơ sở:

- Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 của Quốc hội của Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;

- Điều lệ mẫu áp dụng cho các Công ty đại chúng ban hành kèm theo Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 09 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định về quản trị công ty áp dụng đối với các công ty đại chúng.

3. Điều lệ này được Đại hội đồng Công ty thông qua vào ngày 24 tháng 04 năm 2018;

4. Điều lệ này là cơ sở pháp lý cho mọi hoạt động của Công ty cổ phần Than Tây Nam Á Mài - Vinacomin. Các quy định của Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng và Hội đồng quản trị khi được thông qua bằng cách hợp lệ, phù hợp với luật pháp và Điều lệ này, sẽ là những quy định và quy định ràng buộc đối với việc thực hiện các hoạt động kinh doanh.

CH NG I:
NH NG QUY NH CHUNG

i u 1. Gi i thích t ng , thu t ng trong i u l

1. Trong i u l này, nh ng thu t ng đ i ây c hi u nh sau:

a) "H i ng" có ngh a là H i ng qu n tr c a Công ty c vi t t t là "H QT".

b) " a bàn kinh doanh" có ngh a là ph m vi a lý th c hi n các ho t ng kinh doanh c a công ty, bao g m trong và ngoài lãnh th Vi t Nam.

c) "V n i u l " có ngh a là t ng giá tr m nh giá c ph n ã bán ho c do t t c các c ông óng góp, ho c ng ký mua khi thành l p doanh nghi p;

d) "Lu t doanh nghi p" có ngh a là Lu t doanh nghi p s 68/2014/QH13 c Qu c h i thông qua ngày 26 tháng 11 n m 2014.

) "Lu t ch ng khoán" có ngh a là Lu t ch ng khoán s 70/2006/QH11 c Qu c h i thông qua ngày 29/06/2006; Lu t s a i b sung m t s i u c a Lu t ch ng khoán s 62/2010/QH 12 c Qu c h i thông qua ngày 24/11/2010.

e) "Ngày thành l p" có ngh a là ngày Công ty c c p Gi y ch ng nh n ng ký doanh nghi p (gi y ch ng nh n ng ký kinh doanh và các gi y t có giá tr t ng ng) l n u.

g) "Pháp lu t" là t t c các v n b n quy ph m pháp lu t c quy nh t i Lu t ban hành v n b n quy ph m pháp lu t.

h) "Ng i qu n lý công ty" có ngh a là Ch t ch H QT, thành viên H QT, giám c và cá nhân gi ch c danh qu n lý khác có th m quy n nhân danh Công ty ký k t giao đ ch c a Công ty theo quy nh t i i u l này.

i) "Ng i i u hành Công ty" là Giám c, Phó giám c, K toán tr ng, và ng i i u hành khác theo quy nh c a i u l Công ty.

k) "Ng i có liên quan" là cá nhân ho c t ch c c quy nh t i Kho n 17 i u 4 c a Lu t doanh nghi p; Kho n 34 i u 6 c a Lu t Ch ng khoán.

l) "C ông" có ngh a là m i t ch c hay cá nhân s h u ít nh t m t c ph n c a Công ty và ph i c ghi tên trong S ng ký c ông.

m) "C ông l n" là c ông c quy nh t i Kho n 9, i u 6, Lu t Ch ng khoán.

n) "C t c" là kho n l i nhu n r òng c tr cho m i c ph n b ng t i n m t ho c b ng tài s n khác t ngu n l i nhu n còn l i c a Công ty sau khi ã th c hi n ngh a v v tài chính.

o) "Th i h n ho t ng" có ngh a là th i h n ho t ng c a Công ty c quy nh t i i u 2 c a i u l này và th i gian gia h n (n u có) c thông qua b ng m t ngh quy t c a i h i ng c ông.

p) "Vi t Nam" có ngh a là n c C ng hòa Xã h i Ch ngh a Vi t Nam.

2. Trong i u l này, b t k m t tham chi u nào t i b t k m t i u kho n ho c v n b n nào s bao g m c nh ng s a i ho c v n b n thay th chúng. Tr ng h p các v n b n pháp quy i u ch nh các n i dung liên quan n i u l này b s a i, b

sung, thay thế thì nội dung liên quan trong điều này sẽ thể hiện theo nội dung của điều 3, bổ sung, thay thế và bổ sung pháp quy có hiệu lực sau đây.

3. Các tiêu chí (chức năng, mục đích của điều này) sẽ được nêu rõ trong nội dung và không mâu thuẫn với nội dung của điều này.

4. Các điều khoản thu thuế sẽ nêu rõ trong Luật doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chế độ thuế hiện hành) sẽ có hiệu lực trong điều này.

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thẩm quyền của Công ty

1. Tên công ty:

a) Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN THAN TÂY NAM Á MÀI – VINACOMIN.**

b) Tên Công ty viết bằng tiếng Anh: **VINACOMIN - TAY NAM DA MAI COAL JOINT STOCK COMPANY.**

c) Tên giao dịch: **VINACOMIN - TAY NAM DA MAI COAL JOINT STOCK COMPANY.**

d) Tên Công ty viết tắt: **TANADACOAL.**

2. Công ty có biệt danh riêng như sau: (in biệt danh của Công ty)



3. Công ty là công ty cổ phần có trách nhiệm pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

4. Công ty là công ty con của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam do Tập đoàn chỉ định thông qua tất cả các cơ quan chức năng của Công ty, thông qua nghị quyết của Tập đoàn hoặc thông qua các quy định khác theo quy định của pháp luật và quy chế quản lý nội bộ của Tập đoàn.

Tài nguyên, trữ lượng than do Công ty khai thác là tài sản thuộc sở hữu Nhà nước giao cho Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam là đại diện chủ sở hữu Nhà nước quản lý và không tính vào giá trị tài sản của Công ty. Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam giao cho Công ty quản lý tài nguyên, trữ lượng than này và hàng năm Công ty khai thác than cho Tập đoàn theo Hợp đồng kinh tế và văn bản pháp lý kinh doanh giữa Tập đoàn và Công ty.

5. Công ty được phép sử dụng nhãn hiệu “TKV” và “VINACOMIN” của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam trên các tài liệu của Công ty bằng tiếng Việt và tiếng Anh theo Quy chế sử dụng nhãn hiệu của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam và quy định của pháp luật.

Ngoài các quy định trong điều này, Công ty có trách nhiệm thực hiện các quy định và nghĩa vụ của công ty con đối với Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản

Viết Nam theo điều lệ của Tập đoàn và các quy chế quản lý trong nội bộ Tập đoàn mà Công ty là một thành viên.

6. Trách nhiệm ký của Công ty:

- Địa chỉ **trụ sở chính: T 16**, Phố Cầm Sơn, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh, **Việt Nam**.

- Điện thoại: 02033 3862 229

- Fax: **0203 3860 641**

- E-mail: taynamdamai@gmail.com

- Website: taynamdamai.com.vn

7. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại các bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với Nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

8. Trừ khi chứng minh được ngược lại theo điều 56 của điều lệ này, thì hình thức hoạt động của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

Điều 3. Nhiệm vụ đại diện theo pháp luật của Công ty

Công ty có 01 Nhiệm vụ đại diện theo pháp luật là Giám đốc Công ty. Nhiệm vụ đại diện theo pháp luật có quy định và nghĩa vụ theo quy định hiện hành của pháp luật và quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

Điều 4. Mục tiêu và ngành, nghề kinh doanh của Công ty

1. Mục tiêu hoạt động của Công ty là tối đa hóa các khoản lợi nhuận hợp lý cho Công ty, tăng lợi ích cho các cổ đông, đóng góp cho Ngân sách Nhà nước, mở rộng quy mô lợi ích cho người lao động và không ngừng phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

2. Ngành nghề kinh doanh của Công ty:

- Khai thác và thu gom than công nghiệp.

- Khai thác và thu gom than non.

- Sản xuất và thi công xây dựng và quang học.

- Văn phòng hóa báo chí và truyền thông.

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quản lý khác.

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.

- Sản xuất các sản phẩm kim loại đúc sẵn.

- Sản xuất máy móc, thiết bị.

- Sản xuất thiết bị điện.

- Sản xuất và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trâu, ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác).

- Sản xuất thiết bị khác.

- Sản xuất, truy cập và phân phối điện (chỉ tính truy cập và phân phối điện).

- Kinh doanh các ngành nghề khác phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công ty đã đăng ký công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp (theo quy định của Ủy ban Quản lý vốn nhà nước đối với doanh nghiệp) và điều lệ này phù

h p v i quy nh c a pháp lu t và th c hi n các bi n pháp thích h p t c các m c tiêu c a Công ty.

2. Công ty có th ti n hành ho t ng kinh doanh trong các l nh v c khác c pháp lu t cho phép và c i h i ng c ông thông qua.

Ch ng II:

V N I U L , C PH N, C ÔNG SÁNG L P

Đ i u 6. V n i u l , c ph n, c ông sáng l p

1. V n i u l :

a) V n i u l c a Công ty là 160.000.000.000 VNĐ (b ng ch : M t tr m sáu m i t **Vi t Nam** ng). V n i u l c a Công ty c chia thành 16.000.000 c ph n v i m nh giá là 10.000 VNĐ /c ph n.

b) Công ty có th thay i m c v n i u l (t ng, gi m v n i u l) khi c i h i ng c ông thông qua và phù h p v i các quy nh c a pháp lu t.

2. C ph n:

a) Các c ph n c a Công ty vào ngày thông qua i u l này u là c ph n ph thông và c ph n u ãi (n u có). Các quy n và ngh a v c a c ông n m gi t ng lo i c ph n c quy nh t i i u 12, i u 13 c a i u l này.

b) Công ty có th phát hành các lo i c ph n u ãi khác sau khi có s ch p thu n c a i h i ng c ông và phù h p v i các quy nh c a pháp lu t.

c) C ph n ph thông không th chuy n i thành c ph n u ãi. C ph n u ãi có th chuy n i thành c ph n ph thông khi c i h i c ng c ông thông qua.

d) Chào bán c ph n:

- Chào bán c ph n là vi c Công ty t ng thêm s l ng c ph n c quy n chào bán và bán các c ph n ó trong quá trình ho t ng t ng v n i u l .

- Chào bán c ph n t ng v n i u l c th c hi n theo m t trong các hình th c quy nh t i Kho n 2, i u 122 Lu t doanh nghi p g m:

(i) Chào bán cho các c ông hi n h u.

(ii) Chào bán ra công chúng.

(iii) Chào bán c ph n riêng l .

- Vi c chào bán c ph n c a công ty th c hi n theo các quy nh t i các i u 122, 123, 124 c a Lu t doanh nghi p và quy nh c a pháp lu t v ch ng khoán.

- C ph n ph thông ph i c u tiên chào bán cho các c ông hi n h u theo t l t ng ng v i t l s h u c ph n ph thông c a h trong Công ty, tr tr ng h p i h i ng c ông quy t nh khác. S c ph n c ông không ng ký mua h t s do H i ng qu n tr c a Công ty quy t nh. H i ng qu n tr có th phân ph i s c ph n ó cho các i t ng theo các i u ki n và cách th c mà H i ng qu n tr th y là phù h p, nh ng không c bán s c ph n ó theo các i u ki n thu n l i h n so v i nh ng i u ki n ã

chào bán cho các công nhân hưởng trợ cấp ưu đãi bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức ưu giá.

) Bán cổ phần

Hội đồng quản trị quy định thời điểm, phương thức và giá bán cổ phần. Giá bán cổ phần không vượt quá giá trị thực tế của cổ phần chào bán hoặc giá trị ghi trong sổ sách của công ty tại thời điểm gần nhất, trừ trường hợp quy định tại Điều 125 Luật doanh nghiệp phi công ích công nghiệp.

e) Mua lại cổ phần

Theo quy định của Hội đồng, Công ty có thể mua lại không quá 30% tổng số phần vốn đã bán theo quy định tại Điều 130 Luật doanh nghiệp. Công ty mua lại theo quy định tại Điều 129, 130 Luật doanh nghiệp coi là chào bán (cấp ưu đãi) theo quy định tại Khoản 4, Điều 111 Luật doanh nghiệp. HĐQT có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều này và Luật chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan. Trường hợp HĐQT không thực hiện chào bán, Công ty phải làm thủ tục chuyển nhượng trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phần, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác.

g) Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi Hội đồng công nhận trí thông qua văn bản và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thủ tục chứng khoán.

h) Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các trường chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự) có thể phát hành có dấu và chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty.

3. Công sáng lập là công tham gia xây dựng, thông qua và ký tên vào bản điều lệ ưu tiên của Công ty. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các chi tiết khác của công sáng lập nêu tại phụ lục kèm Điều này. Trường hợp công sáng lập chuyển nhượng cổ phần theo quy định tại Điều 8 Điều này, thì công nhân không còn là công sáng lập của Công ty, công nhân chuyển nhượng cổ phần có các quyền và trách nhiệm theo quy định của pháp luật và quy định tại Điều này.

4. Tỷ lệ số vốn ngoài (tổng số vốn cổ phần, phần vốn góp có quyền biểu quyết của các nhà đầu tư ngoài và tổ chức kinh tế có nhà đầu tư ngoài) tối thiểu là 35% cổ phần có quyền biểu quyết của công ty.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Công của công ty cấp chứng nhận số hưởng lợi cổ phần và lợi ích phần vốn.

2. Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quy định trong hợp đồng mua bán cổ phần của Công ty. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nộp hồ sơ đăng ký chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai tháng (hoặc có thể lâu hơn theo yêu cầu phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán dứt khoát mua cổ phần theo quy định thì phải đăng ký phát hành chứng khoán của Công ty, ngược lại sẽ bị coi là vô hiệu. Ngược lại, nếu không phải trả cho công ty chi phí in ấn chứng khoán chứng khoán hoặc bất kỳ khoản phí gì.

4. Trường hợp đăng ký chứng khoán bị hủy bỏ hoặc bị tẩy xóa hoặc bị ảnh hưởng do các quy định khác, ngược lại sẽ bị coi là vô hiệu. Ngược lại, nếu không phải trả chi phí liên quan cho Công ty.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán, sổ đăng ký công

1. Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các trường hợp chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự), sổ đăng ký phát hành có dấu và chứng ký mua của các địa điểm theo pháp luật của Công ty, trừ trường hợp mà các địa điểm và địa điểm phát hành quy định khác.

2. Sổ đăng ký công:

a) Công ty lập và lưu giữ sổ đăng ký công từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Công chứng thông và công chứng mẫu khác có thể được đăng ký vào các sổ khác nhau. Sổ đăng ký công ít nhất phải có các nội dung sau:

- Tên, trụ sở chính của Công ty.
- Tên sổ chứng khoán quy định phát hành, loại chứng khoán quy định phát hành và tên sổ chứng khoán quy định phát hành của từng loại.
- Tên sổ chứng khoán đã phát hành từng loại và giá trị vốn của chứng khoán đã góp.
- Tên công chứng xã phường theo văn bản, địa chỉ thực tế, quốc tịch, số thẻ công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác nếu việc công chứng là cá nhân, mã số doanh nghiệp hoặc số quy định thành lập, địa chỉ trụ sở chính nếu việc công chứng là tổ chức, số đăng ký chứng khoán của công chứng, ngày đăng ký chứng khoán.

b) Sổ đăng ký công có thể lập và lưu trữ bằng văn bản hoặc bằng tệp dữ liệu điện tử hoặc hai. Sổ đăng ký công có thể lưu trữ tại trụ sở chính của Công ty hoặc nơi khác như phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan đăng ký kinh doanh và tất cả các công chứng. Công chứng có quy định kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép nội dung thông tin liên quan đến công chứng sổ đăng ký công trong giấy làm việc của Công ty hoặc Trung tâm Lưu ký chứng khoán.

3. Trường hợp công chứng có thay đổi địa chỉ thực tế thì phải thông báo kịp thời với Công ty để cập nhật vào sổ đăng ký công. Công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với công chứng do không được thông báo thay đổi địa chỉ của công chứng.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các chứng khoán đều có thể chuyển nhượng trừ khi điều kiện này và pháp luật có quy định khác. Chứng khoán niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thủ tục chứng khoán.

2. Công nhân chấp hành thanh toán ý không chuyển nhượng và hình thức các quy định liên quan như quy định nội bộ, quy định biểu quyết, quy định nội bộ phiếu phát hành chứng nhận chuyển nhượng cổ phiếu, quy định mua cổ phiếu miễn chào bán và các quy định khác theo quy định của pháp luật.

3. Trong vòng 3 năm kể từ ngày thành lập, các công đồng sáng lập phải cùng nhau nắm giữ ít nhất 20% tổng số phần vốn thông của Công ty để thi hành kinh doanh nghiệp vụ. Công đồng sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng các phần vốn thông của mình cho công đồng sáng lập khác. Trường hợp chuyển nhượng số phần vốn này cho những người không phải là công đồng sáng lập thì công đồng sáng lập có sự đồng ý của hội đồng. Trong trường hợp này, công đồng sáng lập chuyển nhượng các phần vốn không có quyền biểu quyết và quyền chuyển nhượng các phần vốn và quyền chuyển nhượng những người tự nhiên thành công đồng sáng lập của Công ty.

4. Trường hợp Hội đồng quản trị có quy định khác (phù hợp với quy định của Luật doanh nghiệp), tất cả các phần vốn chuyển nhượng đều có thể thực hiện thông qua việc chuyển nhượng bằng văn bản theo cách thông thường, hoặc theo bất kỳ cách nào mà HĐQT có thể chấp nhận. Cổ phiếu đã niêm yết hoặc đăng ký giao dịch phải chuyển nhượng thông qua Sở giao dịch chứng khoán phù hợp với các quy định của Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán. Giấy chuyển nhượng phải có chữ ký của bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện ủy quyền của họ ký. Bên chuyển nhượng văn bản là người sở hữu phần vốn có liên quan cho đến khi tên của người nhận chuyển nhượng được đăng ký vào sổ đăng ký công đồng (trường hợp bên chuyển nhượng ủy quyền cho bên nhận chuyển nhượng tham dự đại hội công đồng diễn ra trong thời gian đó theo quy định của Luật doanh nghiệp).

5. Trong trường hợp một công đồng thành viên của công quan nhà nước có thể nắm quyền tuyên bố là miễn tịch, những người khác hoặc những người quản lý tài sản của người chết, người miễn tịch số của Công ty thì anh ta là người (hoặc những người) duy nhất có quyền hoặc người đại diện về phần này, những quy định này không giới hạn tài sản của công đồng đã chết, miễn tịch khi miễn tịch nghĩa vụ và bất kỳ phần nào mà người đó nắm giữ. Trường hợp công đồng thành viên, miễn tịch mà không có người khác thì số phần vốn của người quy định theo quy định của pháp luật dân sự.

6. Công đồng có quyền tự nguyện cho một phần hoặc toàn bộ phần vốn của mình tại Công ty cho người khác; số phần vốn tự nguyện. Trường hợp này, người chết cho hoặc nhận chuyển nhượng phần vốn là công đồng của Công ty.

7. Trường hợp công đồng chuyển nhượng một số phần vốn thì phiếu của họ và Công ty phát hành cổ phiếu miễn ghi nhận số phần vốn chuyển nhượng và số phần vốn còn lại.

Điều 10. Thủ tục và thanh toán mua cổ phần

1. Trường hợp công đồng không thanh toán ý và ứng hiện sự tín nhiệm để mua cổ phần, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu công đồng thanh toán sự tín nhiệm còn lại cùng với lãi suất trên khoản tín dụng và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán ý gây ra cho Công ty theo quy định.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày ghi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi

rõ ràng hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số chênh lệch thanh toán hết số thu hồi.

3. Hàng tồn kho có quy định thu hồi các chênh lệch thanh toán y và ứng dụng trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không thể hiện.

4. Nếu sau thời hạn quy định, công nợ thanh toán hoặc chi thanh toán của một phần số chênh lệch ký mua thì thể hiện như sau:

a) Công nợ thanh toán toàn bộ số chênh lệch ký mua số nguyên không còn là công nợ của Công ty và không chuyển nhượng quy định mua chênh lệch cho người khác;

b) Công nợ thanh toán một phần số chênh lệch ký mua số có quy định bị quy định, nhậm lợi ích và các quy định khác tương đương với số chênh lệch thanh toán; không chuyển nhượng quy định mua số chênh lệch thanh toán cho người khác;

c) Số chênh lệch thanh toán coi là chênh lệch bán và Hàng tồn kho có quy định thu hồi các chênh lệch thanh toán y và ứng dụng trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu tại điểm 2 của quy định này không thể hiện và quy định phân bổ án xử lý tiếp theo.

5. Chênh lệch thu hồi coi là các chênh lệch quy định chào bán quy định tại khoản 3 của Điều 111 Luật doanh nghiệp. Hàng tồn kho có thể trực tiếp hoặc quy định bán, tái phân phối hoặc ghi quy định cho người đã sử dụng chênh lệch thu hồi hoặc các chi phí khác theo những điều kiện và cách thức mà Hàng tồn kho thực tế là phù hợp.

6. Công nợ mà ghi chênh lệch thu hồi do chênh lệch thanh toán hoặc chi thanh toán số chênh lệch ký mua phải bắt buộc công việc trong công nợ số, nhậm quy định phân bổ thanh toán tất cả khoản tiền có liên quan quy định tiền lãi (tính theo lãi suất tính không kể tiền VNĐ tại ngân hàng mà Công ty mở tài khoản) vào thời điểm thu hồi theo quy định của Hàng tồn kho quy định kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thể hiện thanh toán. Hàng tồn kho có toàn quy định quy định nhậm việc công nợ thanh toán toàn bộ giá trị chi phí vào thời điểm thu hồi hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.

7. Thông báo thu hồi số ghi nhậm ghi chênh lệch thu hồi trực tiếp thu hồi. Việc thu hồi vốn có hiệu lực kể từ trong trường hợp có sai sót hoặc bất cập trong việc ghi thông báo.

8. Công nợ thanh toán hoặc chi thanh toán số chênh lệch ký mua phải chịu trách nhiệm tương đương với giá trị nhậm giá chênh lệch ký mua về việc các ngành và tài chính của công ty phát sinh cho đến khi chênh lệch thu hồi.

Chương III:
C C U T C H C, Q U N T R V À K I M S O Á T

Điều 11. C c u t c h c, q u n t r v à k i m s o á t c a C ô n g t y

C c u t c h c q u n l ý, q u n t r v à k i m s o á t c a C ô n g t y b a o g m:

1. **Đ** i h i n g c ô n g l à c q u a n q u y t n h c a o n h t c a C ô n g t y;
2. **H** i n g q u n t r d o đ i h i n g c ô n g b u r a, l à c q u a n q u n l ý C ô n g t y, c ó t o à n q u y n n h â n d a n h C ô n g t y q u y t n h, t h c h ì n c á c q u y n v à n g h a v c a C ô n g t y k h ô n g t h u c t h m q u y n c a đ i h i n g c ô n g;
3. **B** a n k i m s o á t d o đ i h i n g c ô n g b u r a t h c h ì n g i á m s á t H i n g q u n t r, G i á m c t r o n g v i c q u n l ý v à đ i u h à n h C ô n g t y; c h u t r á c h n h i m t r c đ i h i n g c ô n g t r o n g t h c h ì n c á c n h i m v c g i a o.
4. **G** i á m c l à n g đ i đ i u h à n h c ô n g v i c k i n h d o a n h h à n g n g à y c a C ô n g t y; c h u s g i á m s á t c a H i n g q u n t r v à c h u t r á c h n h i m t r c H i n g q u n t r v à t r c p h á p l u t v v i c t h c h ì n c á c q u y n v à n h i m v c g i a o;

M c 1:
C Ô N G V À Đ I H I N G C Ô N G

Điều 12. Q u y n c a c ô n g

1. **C** ô n g l à c h s h u C ô n g t y, c ó c á c q u y n v à n g h a v t n g n g t h e o s c p h n v à l o i c p h n m à h s h u. **C** ô n g c h c h u t r á c h n h i m v c á c k h o n n v à c á c n g h a v t à i s n k h á c c a C ô n g t y t r o n g p h m v i s v n ã g ó p v à o C ô n g t y.
2. **C** ô n g c q u y n đ i x c ô n g b n g. **M** i c p h n c a c ù n g m t l o i đ u t o c h o c ô n g s h u c á c q u y n, n g h a v v à l i í c h n g a n g n h a u.
3. **C** ô n g p h t h ô n g c ó c á c q u y n s a u:
 - a) **T** a m đ v à p h á t b i u t r o n g c á c c u c h p đ i h i n g c ô n g v à t h c h ì n q u y n b i u q u y t t r c t i p t i đ i h i n g c ô n g h o c t h ô n g q u a đ i đ i n c y q u y n h o c t h c h ì n b i u q u y t t h ô n g q u a h i n g t r c t u y n, b p h i u i n t (**b p h i u t x a**) h o c h ì n h t c i n t k h á c. **M** i c p h n p h t h ô n g c ó m t p h i u b i u q u y t;
 - b) **N** h n c t c t n g n g t h e o s c p h n s h u t u t h u c v à o k t q u k i n h d o a n h h à n g n m c a C ô n g t y v à t h e o q u y t n h c a đ i h i n g c ô n g;
 - c) **T** d o c h u y n n h n g c p h n ã c t h a n h t o á n y t h e o q u y n h c a đ i u l n à y v à p h á p l u t h ì n h à n h, t r t r n g h p q u y n h t i K h o n 3 đ i u 8 đ i u l n à y;
 - d) **C** u t i ê n m u a c p h n m i c h à o b á n t n g n g v i t l c p h n p h t h ô n g m à h s h u, t r t r n g h p đ i h i n g c ô n g q u y t n h b á n c p h n c h o c á c c ô n g m i;
 - e) **X** e m x é t, t r a c u v à t r í c h l c c á c t h ô n g t i n l i ê n q u a n n c ô n g t r o n g d a n h s á c h c ô n g c ó q u y n b i u q u y t t c á c h t a m g i a đ i h i n g c ô n g v à y ê u c u s a đ i c á c t h ô n g t i n k h ô n g c h ì n h x á c;

e) Tỉ lệ phân thông tin và danh sách công có quy định phù hợp với công. Các tỉ lệ phân và thông tin khác và thông tin bổ sung do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

g) Xem xét, tra cứu và trích lục hồ sơ sao chép của Công ty, biên bản họp hội đồng và các nghị quyết của hội đồng;

h) Trường hợp Công ty ghi thiếu hoặc sai sót, cần xem xét phần tài sản còn lại trong sổ sách phần góp vốn vào công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản (bao gồm cả nghĩa vụ của nhà đầu tư, thuế, phí), thanh toán cho chủ và các công nợ mà ghi các loại phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;

i) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình trong các trường hợp quy định tại Khoản 1, điều 129 của Luật doanh nghiệp;

k) Các quy định khác theo quy định của điều này và pháp luật.

4. Công ty nhóm công nợ mà ghi từ 5% trở lên tổng số phần phân thông trong thời hạn liên tục từ 06 (Sáu) tháng trở lên, có các quy định sau:

a) Các thành viên HĐQT và Ban kiểm soát theo quy định trong điều 25.5, điều 36.2 của điều này;

b) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc trừ phần vốn của công ty theo các quy định tại Khoản 3 điều 114 và điều 136 Luật Doanh nghiệp.

c) Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các công có quy định tham dự và **biểu quyết** của hội đồng;

d) Xem xét và trích lục biên bản và các nghị quyết của HĐQT, báo cáo tài chính gần nhất và hàng năm theo mục a) của khoản 4 và các báo cáo của Ban kiểm soát;

e) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra tổng vốn của công ty liên quan đến quy định, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải ghi rõ họ tên, địa chỉ, nghề nghiệp, quốc tịch, số thẻ căn cước, giấy chứng minh nhân dân, họ chữ họ hoặc chức danh cá nhân hợp pháp khác của công ty là cá nhân; tên, địa chỉ, nghề nghiệp, quốc tịch, số quy định thành lập hoặc mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của công ty là tổ chức; số lượng phần và thời gian ký cổ phần của công ty, tổng số phần của các nhóm công ty và tổng số vốn trong tổng số phần của Công ty; và cần kiểm tra, mặt tích kiểm tra;

e) Công ty có thể quy định cho thành viên HĐQT làm nhiệm vụ cho mình tại hội đồng.

g) Các quy định khác của quy định tại Luật Doanh nghiệp và điều này.

4. Quy định của công nợ mà ghi của phần vốn (nếu có) số do hội đồng công ty quyết định phù hợp với quy định của pháp luật.

5. Công ty có quy định bổ sung các quy định pháp luật của mình. Trường hợp quy định của hội đồng công ty vì phạm pháp luật hoặc của Công ty, quy định của Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc của Công ty gây thiệt hại cho Công ty, công ty có quyền ngừng hoặc đình chỉ quy định đó theo quy định của Luật doanh nghiệp.

i u 13. Ngh a v c a c ô ng

1. Tuân th i u l Công ty và các quy ch c a Công ty; ch p hành các quy t nh, ngh quy t c a i h i ng c ô ng và H QT Công ty;

2. Tham đ các cu c h p i h i ng c ô ng và th c hi n quy n bi u quy t thông qua các hình th c sau:

- a) Tham đ và bi u quy t tr c ti p t i cu c h p;
- b) y quy n cho ng i khác tham đ và bi u quy t t i cu c h p;
- c) Tham đ và bi u quy t thông qua h p tr c tuyen, b phi u i n t ho c hình th c i n t khác;
- d) G i phi u bi u quy t n cu c h p thông qua th , fax, th i n t .

3. Thanh toán ti n mua c ph n ã ng ký theo quy nh; không c rút v n ã góp b ng c ph n ph thông ra kh i Công ty đ i m i hình th c, tr tr ng h p Công ty ho c ng i khác mua l i c ph n. Tr ng h p c ô ng rút m t ph n ho c toàn b v n c ph n ã góp trái v i quy nh t i kho n này thì các thành viên H QT và ng i i di n theo pháp lu t c a Công ty ph i cùng liên i ch u trách nhi m v các kho n n và ngh a v tài s n khác c a Công ty trong ph m vi giá tr c ph n ã b rút và các thi t h i x y ra;

4. Cung c p a ch chính xác khi ng ký mua c ph n;

5. Hoàn thành các ngh a v khác do lu t pháp quy nh và i u l này.

6. Ch u trách nhi m cá nhân khi nhân danh Công ty đ i m i hình th c th c hi n m t trong các hành vi sau ây:

- a) Vi ph m pháp lu t;
- b) Ti n hành kinh doanh và các giao d ch khác t l i ho c ph c v l i ích c a t ch c, cá nhân khác;
- c) Thanh toán các kho n n ch a n h n tr c nguy c tài chính có th x y ra i v i Công ty.

7. C ô ng l n có ngh a v c a c ô ng theo quy nh c a Lu t doanh nghi p, ngoài ra ph i m b o tuân th các ngh a v sau:

- a) C ô ng l n không c l i đ ng u th c a mình gây nh h ng n các quy n, l i ích c a công ty và c a các c ô ng khác theo quy nh c a pháp lu t và i u l công ty;
- b) C ô ng l n có ngh a v công b thông tin theo quy nh c a pháp lu t.

i u 14. i h i ng c ô ng

1. i h i ng c ô ng là c quan có th m quy n cao nh t c a Công ty và g m t t c các c ô ng có quy n bi u quy t. i h i ng c ô ng th ng niên c t ch c m i n m m t (01) l n và ph i h p trong th i h n b n (04) tháng, k t ngày k t thúc n m tài chính. Theo ngh c a H QT, c quan ng ký kinh doanh (ho c c p có th m quy n) có th gia h n, nh ng không quá sáu (06) tháng, k t ngày k t thúc n m tài chính. i h i ng c ô ng th ng niên không c t ch c đ i hình th c l y ý ki n b ng v n b n. Ngoài cu c h p th ng niên, i h i ng c ô ng có th h p b t th ng.

2. H i ng qu n tr t ch c tri u t p h p i h i ng c ô ng th ng niên và l a ch n a i m phù h p nh ng ph i trên lãnh th Vi t Nam. i h i ng c ô ng th ng niên quy t nh nh ng v n c lu t pháp và i u l này quy nh. c

biết, các công s thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và d toán ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo. **Tr ng h p Báo cáo ki m toán tài chính năm của Công ty có các kho n ngo i tr tr ng y u, Công ty có th m i i di n Công ty ki m toán đ i h i ng c ông th ng niên gi i thích các n i dung liên quan.**

3. H QT phi tri ut p h p i h i ng c ông b t th ng trong các tr ng h p sau ây:

a) H QT xét th y c n thi t vì l i ích của Công ty;

b) Vi c tri ut p là c n thi t n u các ki m toán viên c l p c ch nh ngh th o lu n v báo cáo ki m toán hoc v tình hình tài chính của Công ty và H QT c ng nh n th y nh v y;

c) B ng cân i k toán hàng năm, các báo cáo quý hoc n a n m hoc báo cáo ki m toán của n m tài chính ph n ánh v n ch s h u ã b m t m t n a (1/2) so v i s u k ;

d) Khi s thành viên của H QT, **Ki m soát viên** ít h n s thành viên mà lu t pháp quy nh hoc s thành viên H QT b gi m quá m t ph n ba (1/3) so v i m t n a s thành viên quy nh trong i u l này;

) M t c ông hoc m t nhóm c ông quy nh t i Kho n 4 i u 12 của i u l này yêu c u tri ut p h p i h i ng c ông b ng m t v n b n. Yêu c u tri ut p h p i h i ng c ông ph i nêu rõ lý do và m c ích cụ c h p, có ch ký c a các c ông liên quan hoc v n b n yêu c u c l p thành nhi u b n, và t p h p ch ký c a các c ông có liên quan.

e) Ban ki m soát yêu c u tri ut p cụ c h p n u Ban ki m soát có lý do tin t ng r ng các thành viên H QT hoc cán b qu n lý, i u hành khác vì ph m nghiêm tr ng các ngh a v c a h theo i u 160 của Lu t doanh nghi p hoc H QT hành ng hoc có ý nh hành ng ngoài ph m vi quy nh n c a mình.

g) Các tr ng h p khác theo quy nh của pháp lu t và i u l Công ty.

4. Th m quy n tri ut p i h i ng c ông b t th ng:

a) H QT phi tri ut p h p i h i ng c ông trong vòng 30 ngày k t ngày s thành viên H QT, **Ki m soát viên** còn l i nh quy nh t i i m d kho n 3 i u này, hoc nh n c yêu c u nêu t i i m b, kho n 3 i u này.

Tr ng h p H QT không tri ut p cụ c h p i h i ng c ông theo quy nh thì Ch t ch H QT, các thành viên H QT phi ch u trách nhi m tr c pháp lu t và phi b i th ng thi t h i phát sinh i v i Công ty.

b) Tr ng h p H QT không tri ut p cụ c h p nh quy nh t i i m a, kho n 4 i u này, thì trong vòng 30 ngày tiếp theo, Ban ki m soát phi thay th H QT tri ut p cụ c h p i h i ng c ông theo quy nh t i Kho n 5, i u 136 Lu t doanh nghi p.

Tr ng h p Ban ki m soát không tri ut p h p i h i ng c ông nh quy nh thì Tr ng ban ki m soát, các thành viên Ban ki m soát phi ch u trách nhi m tr c pháp lu t và phi b i th ng thi t h i phát sinh i v i Công ty (n u có).

c) Tr ng h p Ban ki m soát không tri ut p cụ c h p i h i ng c ông theo quy nh t i i m b, kho n 4 i u này, thì trong th i h n 30 ngày tiếp theo, c ông hoc m t nhóm c ông có yêu c u nêu t i i m , kho n 3 của i u này có

quy n thay th H QT, Ban ki m soát tri u t p cu c h p i h i ng c ông theo quy nh t i kho n 5 i u 136 Lu t doanh nghi p.

Trong tr ng h p này, c ông ho c nhóm c ông tri u t p cu c h p i h i ng c ông có th ngh c quan ng ký doanh nghi p giám sát trình t , th t c tri u t p h p và ra quy t nh c a i h i ng c ông.

d) Ng i tri u t p ph i l p và ch t danh sách c ông có quy n đ h p i h i ng c ông, cung c p thông tin và gi i quy t khi u n i liên quan n danh sách c ông, l p ch ng trình và n i dung cu c h p, chu n b tài li u, xác nh th i gian và a i m h p, g i thông báo m i h p n t ng c ông có quy n đ h p theo quy nh t i i u 18 i u l này.

) T t c các chi phí cho vi c tri u t p và ti n hành h p i h i c ông c Công ty hoàn l i. Chi phí này không bao g m nh ng chi phí do c ông chi tiêu khi tham đ i h i ng c ông, k c chi phí n và i l i.

i u 15. Quy n và nhi m v c a i h i ng c ông

1. i h i ng c ông th ng niên có quy n th o lu n và thông qua:

a) Báo cáo tài chính hàng n m c ki m toán;

b) Báo cáo c a H i ng qu n tr v qu n tr và k t qu ho t ng c a H i ng qu n tr và t ng thành viên H QT;

c) Báo cáo c a Ban ki m soát v k t qu kinh doanh c a Công ty, v k t qu ho t ng c a H QT và Giám c Công ty;

d) Báo cáo t ánh giá k t qu ho t ng c a B n ki m soát và c a t ng Ki m soát viên;

) nh h ng, k ho ch phát tri n ng n h n và dài h n c a Công ty.

2. i h i ng c ông th ng niên và b t th ng thông qua quy t nh, ngh quy t b ng v n b n v các v n sau:

a) Thông qua các báo cáo tài chính hàng n m ã c ki m toán;

b) M c c t c thanh toán hàng n m cho m i lo i c ph n phù h p v i Lu t doanh nghi p và các quy n g n li n v i lo i c ph n ó. M c c t c này không cao h n m c mà H i ng qu n tr ngh sau khi ã tham kh o ý ki n các c ông t i i h i ng c ông;

c) L a ch n công ty ki m toán;

d) S l ng thành viên c a H i ng qu n tr và Ban ki m soát;

) B u, mi n nhi m, bãi nhi m, thay th thành viên H QT và Ban ki m soát.

e) T ng s ti n thù lao c a các thành viên H QT, Ban ki m soát và báo cáo ti n thù lao c a H QT, Ban ki m soát;

g) B sung và s a i i u l , tr tr ng h p i u ch nh v n i u l do bán thêm c ph n m i trong ph m vi s l ng c ph n c quy n chào bán ã c i h i ng c ông thông qua tr c ó phù h p v i quy nh c a pháp lu t; và tr tr ng h p i u ch nh v n i u l do Công ty mua l i c ph n theo quy t nh c a i h i ng c ông nh ng không th c hi n chào bán.

h) Lo i c ph n và s l ng c ph n m i s c phát hành cho m i lo i c ph n và vi c chuy n nh ng c ph n c a c ông sáng l p cho ng i không ph i là c ông sáng l p trong vòng 3 n m u tiên k t ngày thành l p;

i) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển nhượng Công ty;

k) Tách rời, **phá sản** và giải thể (thanh lý) Công ty và chuyển nhượng Ban/Thành viên thành viên;

l) Kiểm tra và xử lý các vi phạm của HĐQT hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các thành viên của Công ty;

m) Quy định mua, **bán** tài sản của Công ty có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất **theo kế toán;**

n) Quy định về góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác với tổng giá trị góp vốn, mua cổ phần từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất **theo kế toán;**

o) Công ty mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của một loại cổ phiếu chào bán;

p) Công ty ký kết hợp đồng, **giao dịch** với những người được quy định tại khoản 1, điều 162 của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất **theo kế toán;**

q) **Quy định về quản trị Công ty và các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này.**

3. Công đồng không được **tham gia** biểu quyết cho bất kỳ một nghị quyết nào thông qua **trong các trường hợp sau đây:**

a) **Thông qua** các hợp đồng, giao dịch quy định tại Điều 2 Điều lệ này nếu công đồng đó hoặc người có liên quan tới công đồng đó là một bên của hợp đồng hay giao dịch;

b) Việc mua lại cổ phần của công đồng đó hoặc cá nhân có liên quan đến công đồng đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần thực hiện theo thỏa thuận của tất cả các công đồng hoặc việc mua lại cổ phần thực hiện thông qua khế ước **trên Sổ giao dịch chứng khoán** hoặc chào mua công khai **theo quy định của pháp luật.**

4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã đưa vào chương trình họp phải được đa số luận và biểu quyết tại hội nghị công đồng.

Điều 16. Các điều kiện theo quy định

1. Công đồng là cá nhân, người đi điều kiện theo quy định của công đồng là thành viên của tập đoàn quy định trong bản nội dung thông tin khác để hội nghị công đồng. Trường hợp công đồng là thành viên không có người đi điều kiện theo quy định theo quy định tại khoản 4 Điều lệ này thì người khác để hội nghị công đồng. Điều kiện của quy định không nhất thiết phải là công đồng.

2. Việc chuyển nhượng điều kiện của quy định phải được lập bằng văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

a) Trường hợp công đồng là cá nhân là người quy định thì **giấy quy định** phải có chữ ký của công đồng đó và **cá nhân**, người đi điều kiện theo pháp luật của thành viên của quy định hợp;

b) Trường hợp công đồng thực thể là người quy định thì **giấy quy định** phải có chữ ký của người đi điều kiện theo quy định, người đi điều kiện theo pháp luật của công đồng **thực thể và cá nhân**, người đi điều kiện theo pháp luật của thành viên của quy định hợp;

c) Trong trường hợp khác thì **giấy quy định** phải có chữ ký của người đi điều kiện theo pháp luật của công đồng và người của quy định hợp;

Ng i c u quy n đ h p i h i ng c ô ng ph i n p v n b n u quy n khi ng ký đ h p tr c khi vào phòng h p.

3. Tr ng h p lu t s thay m t cho ng i u quy n ký gi y ch nh i di n, vi c ch nh ng i i di n trong tr ng h p này ch c coi là có hi u l c n u gi y ch nh i di n ó c xu t trình cùng v i gi y u quy n cho lu t s ho c b n sao h p l c a gi y u quy n ó (n u tr c ó ch a ng ký v i Công ty).

4. Công là t ch c có quy n c m t ho c m t s ng i i di n theo u quy n th c hi n các quy n c ô ng c a mình theo quy nh c a pháp lu t; tr ng h p có nhi u h n m t ng i i di n theo u quy n c c thì ph i xác nh c th s c ph n và s phi u b u c a m i ng i i di n. Vi c c , ch m đ t ho c thay i ng i i di n theo u quy n ph i c thông báo b ng v n b n n Công ty trong th i h n s m nh t. Thông báo ph i có các n i dung ch y u sau ây:

- a) Tên, a ch th ng trú, qu c t ch, s và ngày quy t nh thành l p ho c ngày c c p Gi y ch ng nh n ng ký doanh nghi p c a c ô ng;
- b) S l ng c ph n, lo i c ph n và ngày ng ký c ô ng t i Công ty;
- c) H , tên, a ch th ng trú, qu c t ch, s th c n c c, gi y ch ng minh nhân dân, h chi u ho c ch ng th c cá nhân h p pháp khác c a ng i i di n theo u quy n;
- d) S c ph n c u quy n i di n;
) Th i h n i di n theo u quy n;
- e) H , tên, ch ký c a ng i i di n theo u quy n và ng i i di n theo pháp lu t c a c ô ng.

Công ty ph i g i thông báo v ng i i di n theo u quy n quy nh t i kho n này n c quan ng ký kinh doanh trong th i h n n m ngày làm vi c, k t ngày nh n c thông báo.

5. Tr tr ng h p quy nh t i Kho n 3 i u này, phi u bi u quy t c a ng i c y quy n đ h p trong ph m vi c y quy n v n có hi u l c khi x y ra m t trong các tr ng h p sau ây:

- a) Ng i y quy n ã ch t, b h n ch n ng l c hành vi dân s ho c b m t n ng l c hành vi dân s ;
- b) Ng i y quy n ã hu b vi c ch nh u quy n;
- c) Ng i y quy n ã hu b th m quy n c a ng i th c hi n vi c u quy n;

Tuy nhiên, quy nh này s không áp đ ng n u Công ty nh n c thông báo b ng v n b n v m t trong các tr ng h p trên nêu trên tr c gi khai m c cu c h p i h i ng c ô ng ho c tr c khi cu c h p c tri u t p l i.

6. Tr ng h p c ph n c chuy n nh ng trong th i gian t ngày l p xong danh sách c ô ng n ngày khai m c h p i h i ng c ô ng thì ng i nh n chuy n nh ng có quy n đ h p i h i ng c ô ng thay th cho ng i chuy n nh ng i v i s c ph n ã chuy n nh ng.

7. Ng i i di n theo y quy n ph i có các tiêu chu n và i u ki n sau ây:

- a) Có n ng l c hành vi dân s y ;
- b) Không thu c i t ng b c m thành l p và qu n lý doanh nghi p;
- c) Thành viên, c ô ng là Công ty c ph n v n góp hay c ph n do nhà n c n m gi trên 50% v n i u l không c c v ho c ch ng, cha , cha nuôi, m ,

m nuôi, con , con nuôi, anh ruột, ch ruột, em ruột c a ng i qu n lý và c a ng i có th m quy n b nhi m ng i qu n lý công ty làm ng i i đi n theo y quy n t i công ty khác;

8. Trách nhi m c a ng i i đi n theo y quy n cho t ch c ho c cá nhân th c hi n theo quy nh c a Pháp lu t, i ul và Quy ch qu n lý c a t ch c c ng i i đi n theo y quy n ho c theo yêu c u c a cá nhân y quy n

9. Công c coi là tham d và bi u quy t t i cu c h p i h i ng c ông trong tr ng h p sau ây:

- a) Tham d và bi u quy t tr c ti p t i cu c h p;
- b) y quy n cho m t ng i khác tham d và bi u quy t t i cu c h p;
- c) Tham d và bi u quy t thông qua h i ngh tr c tuy n, b phi u i n t ho c hình th c i n t khác;
- d) G i phi u bi u quy t n cu c h p thông qua g i th , fax, th i n t .

i u 17. Thay i các quy n

1. Vi c thay i ho c hu b các quy n c bi t g n li n v i lo i c ph n u ãi có hi u l c khi c c ông n m gi ít nh t **65%** c ph n ph thông tham d h p thông qua ng th i c c ông n m gi ít nh t 65% quy n bi u quy t c a lo i c ph n u ãi nói trên bi u quy t thông qua.

2. Vi c t ch c m t cu c h p c a các c ông n m gi m t lo i c ph n u ãi thông qua vi c thay i quy n nêu t i kho n l i u này ch có giá tr khi có t i thi u hai **(02)** c ông (ho c i đi n c y quy n c a h) và n m gi t i thi u m t ph n ba **(1/3)** giá tr m nh giá c a các c ph n lo i ó ãi phát hành. Tr ng h p không có s i bi u nh nêu trên thì s t ch c h p l i trong vòng ba m i **(30)** ngày sau ó và nh ng ng i n m gi c ph n thu c lo i ó (không ph thu c vào s l ng ng i và s c ph n) có m t tr c ti p ho c thông qua i đi n c u quy n u c coi là s l ng i bi u yêu c u. T i các cu c h p c a c ông n m gi c ph n u ãi nêu trên, nh ng ng i n m gi c ph n thu c lo i ó có m t tr c ti p ho c qua ng i i đi n u có th yêu c u b phi u kín và m i ng i khi b phi u kín. M i c ph n cùng lo i có quy n bi u quy t ngang b ng nhau t i các cu c h p nêu trên.

3. Th t c ti n hành các cu c h p riêng bi t nh v y c th c hi n t ng t v i các quy nh t i i u **19** và i u **20** i ul này.

4. Tr khi các i u kho n v phát hành c ph n c quy nh khác i, các quy n c bi t g n li n v i các lo i c ph n có quy n u ãi trong m t s ho c t t c các v n liên quan n phân ph i l i nhu n ho c tài s n c a Công ty s không b thay i khi Công ty phát hành thêm các c ph n cùng lo i.

i u 18. Tri u t p h p i h i ng c ông, ch ng trình h p và thông báo h p i h i ng c ông

1. Công ty ph i tuân th y trình t , th t c v tri u t p cu c h p i h i ng c ông theo quy nh c a pháp lu t. i ul này và các quy nh n i b c a Công ty. Công ty có trách nhi m công b thông tin v vi c l p danh sách c ông có quy n tham d h p i h i ng c ông t i thi u 20 ngày tr c ngày ng ký cu i cùng. Th t c y quy n và l p gi y y quy n cho các c ông c quy nh t i Quy ch n i b v qu n tr công ty.

s chính i v i c ông là t ch c; s l ng và lo i c ph n c ông ó n m gi , và n i dung ki n ngh a vào ch ng trình h p.

6. Ng i tri u t p h p i h i ng c ông có quy n t ch i nh ng ki n ngh liên quan n kho n 4 c a i u này, n u thu c m t trong các tr ng h p sau:

a) **Ki n ngh** c g i n không úng th i h n ho c không , không úng n i dung;

b) Vào th i i m **ki n ngh** , c ông ho c nhóm c ông không n m gi t 5% tr lên c ph n ph thông trong th i gian liên t c t 6 tháng tr lên theo quy nh t i kho n 4 i u 12 i u l này;

c) V n **ki n ngh** không thu c ph m vi, th m quy n quy t nh c a i h i ng c ông.

d) Các tr ng h p khác theo quy nh c a pháp lu t và i u l này.

7. Ng i tri u t p h p i h i ng c ông ph i ch p nh n và a ki n ngh quy nh t i Kho n 4 i u này vào d ki n ch ng trình và n i dung cu c h p, tr tr ng h p quy nh Kho n 5 i u này. Ki n ngh s c chính th c b sung vào ch ng trình và n i dung cu c h p n u c i h i ng c ông ch p thu n.

8. H i ng qu n tr ho c ng i có th m quy n tri u t p h p i h i ng c ông theo các tr ng h p quy nh t i i m b, ho c i m c, kho n 4 i u 14 i u l này ph i chu n b d th o ngh quy t cho t ng v n trong ch ng trình h p.

i u 19. Các i u ki n t i n hành h p i h i ng c ông

1. Cu c h p i h i ng c ông c t i n hành khi có s c ông d h p i đi n cho ít nh t 51% t ng s c ph n có quy n bi u quy t.

2. Tr ng h p i h i ng c ông l n th nh t không có s l ng i bi u c n thi t theo quy nh t i Kho n 1 i u này, thì trong vòng ba m i (30) phút k t th i i m n nh khai m c i h i, ng i tri u t p h p h y cu c h p. i h i ng c ông ph i c tri u t p h p l n th hai trong vòng ba m i (30) ngày k t ngày d nh t ch c i h i ng c ông l n th nh t. i h i ng c ông tri u t p l i l n th hai ch c t i n hành khi có thành viên tham d là các c ông và nh ng i đi n c u quy n d h p i đi n cho ít nh t 33% t ng s c ph n có quy n bi u quy t.

3. Tr ng h p i h i ng c ông l n th hai không c t i n hành do không có s i bi u c n thi t theo quy nh t i Kho n 2 i u này thì trong vòng ba m i (30) phút k t th i i m n nh khai m c i h i ng c ông l n th hai, cu c h p i h i ng c ông l n th ba c tri u t p trong vòng hai m i (20) ngày k t ngày d nh t i n hành i h i ng c ông l n th hai, và trong tr ng h p này i h i c t i n hành không ph thu c vào s l ng c ông hay i đi n u quy n tham d và c coi là h p l và có quy n quy t nh t t c các v n mà i h i ng c ông l n th nh t d ki n phê chu n.

4. Ch có i h i ng c ông có quy n thay i ch ng trình h p ã c g i kèm theo thông báo m i h p theo quy nh t i Kho n 3 i u 18 i u l này.

i u 20. Th th c t i n hành h p và bi u quy t t i i h i ng c ông

1. Tr c khi khai m c i h i ng c ông, Công ty ph i th c hi n th t c ng ký c ông và ph i th c hi n vi c ng ký cho n khi các c ông có quy n d h p có m t ng ký h t. Th i gian th c hi n vi c ng ký do H QT quy t nh. Khi t i n hành ng ký c ông, Công ty s c p cho t ng c ông ho c i đi n c u

quy n có quy n bi u quy t m t th bi u quy t, trên ó có ghi s ng ký, h và tên c a c ông, h và tên i di n c u quy n và s phi u bi u quy t c a c ông ó.

2. C ông ho c ng i c u quy n đ h p n sau khi cu c h p ã khai m c c ng ký và có quy n tham gia bi u quy t ngay sau khi ng ký. Ch to không c đ ng cu c h p i h i nh ng ng i n mu n ng ký; trong tr ng h p này, hi u l c c a nh ng n i dung ã c bi u quy t tr c ó không thay i.

3. Ch to , th ký và ban ki m phi u c a i h i ng c ông c quy nh nh sau:

a) i h i ng c ông do H i ng qu n tr tri u t p s do Ch t ch H i ng qu n tr làm Ch t a, tr ng h p Ch t ch H i ng qu n tr v ng m t ho c t m th i m t kh n ng làm vi c thì các thành viên H QT còn l i b u m t ng i trong s h làm Ch t a cu c h p theo nguyên t c a s . Tr ng h p không b u c Ch t a thì Tr ng ban ki m soát i u khi n i h i ng c ông b u Ch t a cu c h p và ng i có s phi u cao nh t làm Ch t a cu c h p.

b) Trong các tr ng h p khác, ng i ký tên tri u t p h p i h i ng c ông i u khi n i h i ng c ông b u Ch to cu c h p và ng i có s phi u b u cao nh t s làm Ch to cu c h p;

c) Ch to c m tho c m t s ng i làm th ký l p biên b n i h i;

d) i h i i h i ng c ông b u trong s i bi u nh ng ng i ch u trách nhi m ki m phi u ho c giám sát ki m phi u theo ngh c a Ch to ; S thành viên c a Ban ki m phi u do i h i c ông quy t nh c n c ngh c a Ch t a.

4. Ch ng trình và n i dung h p phi c i h i ng c ông thông qua ngay trong phiên khai m c. Ch ng trình phi xác nh rõ và chi ti t th i gian i v i t ng v n trong n i dung ch ng trình h p.

5. Ch t a i h i có th ti n hành các ho t ng c n thi t i u khi n cu c h p i h i ng c ông m t cách h p l , có tr t t , theo ch ng trình ã c thông qua và ph n ánh c mong mu n c a a s i bi u tham d . Quy t nh c a Ch to v trình t , th t c ho c các s ki n phát sinh ngoài ch ng trình c a i h i ng c ông s mang tính phán quy t cao nh t.

6. i h i ng c ông th o lu n và bi u quy t theo t ng v n trong n i dung ch ng trình c a i h i. Khi ti n hành bi u quy t t i i h i, s th tán thành ngh quy t c thu tr c, s th ph n i ngh quy t c thu sau, cu i cùng m t ng s phi u tán thành hay ph n i quy t nh. T ng s phi u tán thành, ph n i, b phi u tr ng ho c không h p l theo t ng v n c Ch t a thông báo ngay sau khi ti n hành bi u quy t v n ó.

7. Ch to i h i ng c ông có th hoãn h p i h i khi có s nh t trí ho c yêu c u c a i h i ng c ông quy nh t i kho n 8 i u 142 Lu t doanh nghi p. Th i gian hoãn t i a không quá ba (03) ngày k t ngày đ nh khai m c i h i. i h i h p l i s ch xem xét các công vi c l ra ã c gi i quy t h p pháp t i i h i b trì hoãn tr c ó.

8. Tr ng h p ch to hoãn ho c t m đ ng h p i h i ng c ông trái v i quy nh t i kho n 7, i u này, i h i ng c ông b u m t ng i khác trong s nh ng ng i đ h p thay th Ch to i u hành cu c h p cho n lúc k t thúc; T t

c các ngh quy t c thông qua t i c u c h p i h i n g c ô n g ó u c ó h i u l c thi hành.

9. Ng i t r i u t p h p i h i n g c ô n g c ó q u y n y ê u c u c á c c ô n g h o c i d i n c u q u y n t h a m d i h i n g c ô n g c h u s k i m t r a h o c c á c b i n p h á p a n n i n h h p p h á p , h p l ý k h á c . T r n g h p c ó c ô n g h o c i d i n c u q u y n k h ô n g c h u t u â n t h n h n g q u y n h v k i m t r a h o c c á c b i n p h á p a n n i n h n ó i t r ê n , N g i t r i u t p i h i n g c ô n g s a u k h i x e m x é t m t c á c h c n t r n g c ó t h t c h i h o c t r c x u t c ô n g h o c i d i n n ó i t r ê n t h a m g i a i h i .

10. Ng i t r i u t p h p i h i n g c ô n g , s a u k h i ã x e m x é t m t c á c h c n t r n g , c ó t h t i n h à n h c á c b i n p h á p t h í c h p :

- a) B t r í c h n g i t i a i m h p i h i n g c ô n g ;
- b) B o m a n t o à n c h o m i n g i c ó m t t i a i m ó ;
- c) T o i u k i n c h o c ô n g t h a m d (h o c t i p t c t h a m d) i h i ;

Ng i t r i u t p h p i h i n g c ô n g c ó t o à n q u y n t h a y i n h n g b i n p h á p n ê u t r ê n v à á p d n g t t c c á c b i n p h á p c n t h i t . C á c b i n p h á p á p d n g c ó t h l à c p g i y v à o c a h o c s d n g n h n g h ì n h t h c l a c h n k h á c .

11. Trong t r n g h p t i i h i n g c ô n g c ó á p d n g c á c b i n p h á p n ê u t r ê n , N g i t r i u t p h p i h i n g c ô n g k h i x á c n h a i m i h i c ó t h :

- a) T h ô n g b á o r n g i h i s c t i n h à n h t i a i m g h i t r o n g t h ô n g b á o v à c h t o i h i s c ó m t t i ó (“ a i m c h í n h c a i h i ”);
- b) B t r í , t c h c n h n g c ô n g h o c i d i n c u q u y n k h ô n g d h p c t h e o i u k h o n n à y h o c n h n g n g i m u n t h a m g i a a i m k h á c v i a i m c h í n h c a i h i c ó t h n g t h i t h a m d i h i ;

T h ô n g b á o v v i c t c h c i h i k h ô n g c n n ê u c h i t i t n h n g b i n p h á p t c h c t h e o i u k h o n n à y .

12. Trong i u l n à y (t r k h i h o à n c n h y ê u c u k h á c) , m i c ô n g s c c o i l à t h a m g i a i h i a i m c h í n h c a i h i .

i u 21. T h ô n g q u a q u y t n h c a i h i n g c ô n g

1. i h i n g c ô n g t h ô n g q u a c á c q u y t n h t h u c t h m q u y n b n g h ì n h t h c b i u q u y t t i c u c h p h o c l y ý k i n b n g v n b n .

2. N g h q u y t c a i h i n g c ô n g i v i c á c v n s a u â y p h i c t h ô n g q u a b n g h ì n h t h c b i u q u y t t i c u c h p i h i n g c ô n g :

- a) S a i , b s u n g c á c n i d u n g c a i u l C ô n g t y ;
- b) n h h n g p h á t t r i n C ô n g t y (k h o c h p h á t t r i n n g n h n v à d à i h n) ;
- c) L o i c p h n v à t n g s c p h n c a t n g l o i ;
- d) M i n n h i m , b á i n h i m v à t h a y t h t h à n h v i ê n H Q T , B a n k i m s ó á t ;

) Q u y t n h u t , b á n t à i s n c a C ô n g t y h o c c h i n h á n h h o c g i a o d c h m u a d o C ô n g t y t h c h i n c ó g i á t r t 35% t r l ê n t n g g i á t r t à i s n c a C ô n g t y c g h i t r o n g b á o c á o t à i c h í n h g n n h t ã c k i m t ó á n ;

e) Q u y t n h v i c g ó p v n , m u a c p h n c a d o a n h n g h i p k h á c v i t n g g i á t r g ó p v n , m u a c p h n t 35% t r l ê n t n g g i á t r t à i s n c a C ô n g t y c g h i t r o n g b á o c á o t à i c h í n h g n n h t ã c k i m t ó á n ;

- g) T h ô n g q u a b á o c á o t à i c h í n h h à n g n m ã c k i m t ó á n ;

h) Tách cli, gi i th , phá s n Công ty; chia tách, h p nh t, sáp nh p ho c chuy n i công ty.

3. Ngh quy t v các n i dung sau ây c thông qua khi có t 65% t ng s phi u b u c a các c ông có quy n bi u quy t có m t tr c ti p ho c thông qua i di n c y quy n có m t t i i h i ng c ông:

a) Lo ic ph n v à t ng s c ph n c chào bán c a t ng lo i;

b) Thay i ngành ngh và l nh v c kinh doanh;

c) Thay i c c u t ch c qu n lý Công ty v mô hình ho t ng và quy nh t i i u 134 Lu t Doanh nghi p;

d) Quy t nh u t , bán tài s n c a Công ty ho c chi nhánh ho c giao d ch mua do Công ty ho c chi nhánh th c hi n có giá tr t 35% tr lên t ng giá tr tài s n c a Công ty và các chi nhánh c a Công ty c ghi trong báo cáo tài chính g n nh t ã c ki m toán;

) Quy t nh vi c góp v n, mua c ph n c a doanh nghi p khác v i t ng giá tr góp v n, mua c ph n t 35% tr lên t ng giá tr tài s n c a Công ty c ghi trong báo cáo tài chính g n nh t ã c ki m toán;

e) Các hình th c t ch cli, gi i th , phá s n Công ty;

g) S a i, b sung các n i dung c a i u l Công ty;

4. Ngh quy t v các n i dung khác thu c th m quy n c a i h i ng c ông (tr các n i dung quy nh t i Kho n 3 i u này) c thông qua khi có t 51% tr lên t ng s phi u b u c a các c ông có quy n bi u quy t có m t tr c ti p ho c thông qua i di n c y quy n có m t t i i h i ng c ông.

5. Vi c b u thành viên H i ng qu n tr và Ban ki m soát c th c hi n theo ph ng th c b u đ n phi u c quy nh t i i u 39 i u l này.

6. Ngh quy t, Quy t nh c a i h i ng c ông phi c thông báo n c ông có quy n đ h p i h i ng c ông trong th i h n m i l m (15) ngày, k t ngày quy t nh c thông qua, ho c c ng t i trên trang thông tin i n t c a Công ty.

7. Các ngh quy t i h i ng c ông c thông qua b ng 100% t ng s c ph n có quy n bi u quy t là h p pháp và có hi u l c ngay c khi trình t và th t c thông qua ngh quy t ó không c th c hi n úng nh quy nh.

i u 22. Th m quy n và th th c l y ý ki n c ông b ng v n b n thông qua quy t nh c a i h i ng c ông

1. H i ng qu n tr có quy n l y ý ki n c ông b ng v n b n thông qua quy t nh c a i h i ng c ông b t c lúc nào n u xét th y c n thi t vì l i ích c a Công ty (tr các n i dung quy nh t i Kho n 2, i u 21 i u l này phi c bi u quy t thông qua t i cu c h p i h i ng c ông). Tr ng h p thông qua quy t nh đ i hình th c l y ý ki n b ng v n b n thì quy t nh c a i h i ng c ông c thông qua n u c s c ông i di n ít nh t 51% t ng s phi u bi u quy t ch p thu n.

2. H i ng qu n tr phi chu n b phi u l y ý ki n, đ th o quy t nh c a i h i ng c ông và các tài li u gi i trình đ th o quy t nh. Phi u l y ý ki n kèm theo đ th o quy t nh và tài li u gi i trình phi c g i b ng ph ng th c b o m n c a ch th ng trú c a t ng c ông. H QT phi m b o g i, công b tài

li u cho các c ồng trong m t th i gian h p lý xem xét bi u quy t và ph i g i ít nh t m i (10) ngày tr c ngày h t h n nh n phi u l y ý ki n. **Yêu c u và cách th c g i phi u l y ý ki n và tài li u kèm theo c th c hi n theo quy nh t i kho n 3, i u 18 i u l này.**

3. Phi u l y ý ki n ph i có các n i dung ch y u sau ây:

a) Tên, a ch tr s chính, mã s và ngày c p Gi y ch ng nh n ng ký doanh nghi p, n i ng ký doanh nghi p c a Công ty;

b) M c ích l y ý ki n;

c) H , tên, a ch th ng trú, qu c t ch, s th c n c c, gi y ch ng minh nhân dân, h chi u ho c ch ng th c cá nhân h p pháp khác c a c ồng là cá nhân; tên, mã s doanh nghi p ho c s quy t nh thành l p, a ch tr s chính c a c ồng là t ch c ho c h , tên, a ch hir th ng trú, qu c t ch, s th c n c c, gi y ch ng minh nhân dân, h chi u ho c ch ng th c cá nhân h p pháp khác c a i di n theo u quy n c a c ồng là t ch c; s l ng c ph n c a t ng lo i và s phi u bi u quy t c a c ồng;

d) V n c n l y ý ki n thông qua quy t nh;

) Ph ng án bi u quy t bao g m tán thành, không tán thành và không có ý ki n i v i t ng v n l y ý ki n;

e) Th i h n ph i g i v Công ty phi u l y ý ki n ã c tr l i;

g) H , tên, ch ký c a Ch t ch H QT và ng i i di n theo pháp lu t c a Công ty;

h) Phi u l y ý ki n ã c tr l i ph i có ch ký c a c ồng là cá nhân, c a ng i i di n theo u quy n ho c ng i i di n theo pháp lu t c a c ồng là t ch c;

4. C ồng có th g i phi u l y ý ki n ã tr l i n Công ty theo m t trong các hình th c sau ây:

a) G i th . Phi u l y ý ki n ã c tr l i ph i có ch ký c a c ồng là cá nhân, c a ng i i di n theo y quy n ho c ng i i di n theo pháp lu t c a c ồng là t ch c. Phi u Phi u l y ý ki n g i v Công ty ph i c ng trong phong bì dán kín và không ai c quy n m tr c khi ki m phi u.

b) G i Fax ho c th i n t . Phi u l y ý ki n g i v Công ty qua Fax ho c th i n t ph i c gi bí m t n th i i m ki m phi u.

Các phi u l y ý ki n g i v Công ty sau th i h n ã xác nh t i n i dung phi u l y ý ki n ho c ã b m trong tr ng h p g i th và b ti t l trong tr ng h p g i Fax, th i n t là không h p l . Phi u l y ý ki n không c g i v c coi là phi u không tham gia bi u quy t;

5. H i ng qu n tr t ch c ki m phi u và l p biên b n ki m phi u d i s ch ng ki n c a Ban ki m soát ho c c a c ồng không n m gi ch c v qu n lý Công ty. Biên b n ki m phi u ph i có các n i dung ch y u sau ây:

a) Tên, a ch tr s chính, mã s và ngày c p Gi y ch ng nh n ng ký doanh nghi p, n i ng ký doanh nghi p;

b) M c ích và các v n c n l y ý ki n thông qua quy t nh;

c) S c ông v i t n g s phi u bi u quy t ã tham gia bi u quy t, trong ó phân bi t s phi u bi u quy t h p l và s bi u quy t không h p l và ph ã ng th c g i bi u quy t, kèm theo ph l c danh sách c ông tham gia bi u quy t;

d) T n g s phi u tán thành, không tán thành và không có ý ki n i v i t n g v n ;

) Các v n ã c thông qua;

e) H , tên, ch ký c a Ch t ch H QT, ng i i di n theo pháp lu t c a Công ty, ng i ki m phi u vàng i giám sát ki m phi u;

Các thành viên H i ã ng qu n tr và ng i ki m phi u, giám sát ki m phi u ph i liên i ch u trách nhi m v tính trung th c, chính xác c a biên b n ki m phi u; liên i ch u trách nhi m v các thi t h i phát sinh t các quy t nh c thông qua do ki m phi u không trung th c, không chính xác;

6. Biên b n k t qu ki m phi u ph i c công b trên website c a Công ty trong th i h n 24 gi , tr ã ng h p Công ty ch a có website thì ph i c g i n các c ông trong th i h n m i l m (15) ngày, k t ã ngày k t thúc ki m phi u

7. Phi u l y ý ki n ã c tr l i, biên b n ki m phi u, toàn v n ã ng quy t ã c thông qua và tài li u có liên quan g i kèm theo phi u l y ý ki n u ph i c l u gi t i tr s chính c a Công ty.

8. ã ng quy t, quy t nh c thông qua theo hình th c l y ý ki n c ông b ã ng v n b n có giá tr ã ng quy t, quy t nh c thông qua t i cu c h p i h i ã ng c ông.

i u 23. Biên b n h p i h i ã ng c ông

1. Cu c h p i h i ã ng c ông ph i c ghi vào s biên b n c a Công ty, có th c ghi âm ho c ghi và l u gi d i hình th c i n t khác. Biên b n ph i l p b ã ng tí ng Vi t, có th l p thêm b ã ng tí ng Anh và ph i có các n i dung theo quy ã nh t i i u 146 Lu t doanh nghi p, có ch ký c a Ch t a i h i và Th ký.

2. Biên b n h p i h i ã ng c ông ph i làm xong và thông qua tr c khi b m c cu c h p; ph i c công b trên website c a Công ty trong th i h n 24 gi , tr ã ng h p Công ty ch a có website thì ph i c g i n t t c c ông trong th i h n m i l m (15) ngày, k t ã ngày b m c cu c h p.

3. Ch to và th ký cu c h p ph i liên i ch u trách nhi m v tính trung th c, chính xác c a n i dung biên b n, ch u trách nhi m t ch c l u tr các biên b n i h i ã ng c ông.

4. Biên b n h p i h i ã ng c ông, các b n ghi chép, ph l c danh sách c ông ã ng ký d h p và s ch ký c a các c ông d h p v n b n u quy n tham d , toàn v n ã ng quy t ã c thông qua và tài li u có liên quan g i kèm theo thông báo m i h p ph i c l u gi t i tr s chính c a Công ty.

5. Biên b n h p i h i ã ng c ông c coi là b ã ng ch ã ng xác th c v ã ã ng công vi c ã c t i n hành t i i h i ã ng c ông tr khi có ý ki n ph n i v n i dung biên b n c a ra theo úng th t c quy ã nh trong vòng m i (10) ngày k t khi g i biên b n.

i u 24. Yêu c u h y b quy t nh c a i h i ã ng c ông

Trong th i h n 90 ngày, k t ã ngày nh n c biên b n h p i h i ã ng c ông ho c biên b n k t qu ki m phi u l y ý ki n c ông b ã ng v n b n, thành viên

H QT, Ki m soát viên, Giám c Công ty, c ông ho c nhóm c ông quy nh t i Kho n 4, i u 12 i u l này có quy n yêu c u Toà án ho c Tr ng tài xem xét, hu b ngh quy t ho c m t ph n c a ngh quy t c a i h i ng c ông trong các tr ng h p sau ây:

1. Trình t và th t c tri u t p h p i h i ng c ông không th c hi n úng theo quy nh c a Lu t doanh nghi p và i u l Công ty, tr tr ng h p quy nh t i kho n 7, i u 21 i u l này.

2. Trình t , th t c ra ngh quy t và n i dung ngh quy t vi ph m pháp lu t ho c i u l Công ty.

Tr ng h p ngh quy t c a i h i ng c ông b h y b theo quy t nh c a Tòa án ho c Tr ng tài, ng i tri u t p cu c h p i h i ng c ông b h y b có th xem xét t ch c l i h i ng c ông trong vòng ba m i (30) ngày theo trình t , th t c quy nh t i Lu t doanh nghi p và i u l này.

M c 2:

H I NG QU N TR

i u 25. ng c , c thành viên H i ng qu n tr

1. Thành viên H i ng qu n tr ph i có các tiêu chu n và i u ki n sau ây :

a) Có n ng l c hành vi dân s y , không thu c i t ng không c qu n lý doanh nghi p theo quy nh t i kho n 2 i u 18 c a Lu t doanh nghi p;

b) Có trình chuyên môn, kinh nghi m trong qu n lý kinh doanh c a công ty và không nh t thi t ph i là c ông c a công ty, tr tr ng h p i u l công ty quy nh khác.

c) Thành viên H i ng qu n tr công ty không c ng th i là thành viên H i ng qu n tr t i quá 05 công ty khác

2. Thành viên H i ng qu n tr không i u hành (sau ây g i là thành viên không i u hành) là thành viên H i ng qu n tr không ph i là Giám c (T ng giám c), Phó giám c (Phó T ng giám c), K toán tr ng và nh ng ng i i u hành khác theo quy nh c a i u l công ty.

3. Thành viên H i ng qu n tr c l p là thành viên H i ng qu n tr có các tiêu chu n và i u ki n theo kho n 2 i u 151 Lu t doanh nghi p.

4. Tr ng h p ã xác nh c tr c ng viên, thông tin liên quan n các ng viên H i ng qu n tr c a vào tài li u h p i h i ng c ông và công b t i thi u m i (10) ngày tr c ngày khai m c cu c h p i h i ng c ông trên trang thông tin i n t c a Công ty c ông có th tìm hi u v các ng viên này tr c khi b phi u. ng viên H i ng qu n tr ph i có cam k t b ng v n b n v tính trung th c, chính xác và h p lý c a các thông tin cá nhân c công b và ph i cam k t th c hi n nhi m v m t cách trung th c n u c b u làm thành viên H i ng qu n tr. Thông tin liên quan n ng viên H i ng qu n tr c công b bao g m các n i dung t i thi u sau ây:

a) H tên, ngày, tháng, n m sinh;

b) Trình h c v n;

c) Trình chuyên môn;

- d) Quá trình công tác;
- e) Các công ty mà người lao động đang làm việc thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
- f) Báo cáo đánh giá và đóng góp của người lao động cho Công ty, trong trường hợp người lao động hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;
- g) Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
- h) Họ, tên của các đồng nghiệp nhóm công việc người lao động (nếu có);
- i) Các thông tin khác (nếu có).

5. Giới thiệu, tiếp cận vào Hội đồng quản trị

Các công nhân làm việc ít hơn 5% sẽ phân phối thông tin trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quy định sau: Phiếu bầu quy tắc của Công ty và phiếu bầu của các người lao động. Công nhân nhóm công nhân làm việc 5% sẽ được 20% tổng số phiếu bầu quy tắc của Công ty (01) người lao động; 20% sẽ được 50% tổng số phiếu bầu hai (02) người lao động; 50% sẽ được 65% tổng số phiếu bầu ba (03) người lao động; 65% trở lên sẽ được 100% tổng số phiếu bầu. Công ty Hoàn Than - Khoáng sản Việt Nam (TKV) quy định các tiêu chuẩn (trên 50%) của người lao động Hội đồng quản trị.

6. Trường hợp sự lựa chọn các người lao động Hội đồng quản trị thông qua phiếu bầu và người lao động không sẵn lòng tham gia, Hội đồng quản trị nên có thể thêm người lao động hoặc theo một cách do Công ty quy định tại Quy định nội bộ về quản trị Công ty. Các cách hay cách thức Hội đồng quản trị nên có thể giới thiệu người lao động Hội đồng quản trị phải công bố rõ ràng và phải có sự hỗ trợ của đồng nghiệp qua thời gian hành động.

Điều 26. Sự lựa chọn thành viên, nhiệm kỳ HĐQT

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người do Đại hội đồng bầu và bãi miễn.

2. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể bầu lại với nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp có thành viên bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bãi miễn nhiệm, bãi miễn trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là người làm việc của công ty.

3. Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ trước thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị mới bầu và tiếp quản công việc.

4. Các thành viên Hội đồng quản trị:

a) Tổng số thành viên Hội đồng quản trị cấp phi chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

b) Các thành viên Hội đồng quản trị phải có các thành viên có kiến thức và kinh nghiệm về pháp luật, tài chính, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty và có xét yếu tố lợi ích;

5. Một thành viên HĐQT sẽ không còn là thành viên HĐQT trong các trường hợp sau:

a) Không tuân thủ cách làm thành viên HĐQT nêu theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị pháp luật không cho làm thành viên HĐQT;

- b) Giữ nguyên bản xin tức chế n tr s chính của Công ty;
- c) B m t h o c h n ch n g l c hành vi dân s ;
- d) V ng m t, không tham d các cu c h p c a H QT liên t c trong vòng 6 tháng mà không có s cho phép c a H QT và H QT ã phán quy t r ng ch c v c a ng i này b b tr ng, **tr tr ng h p b t kh kháng;**
-) B bãi nhi m thành viên H QT theo quy t nh c a i h i ng c ông;
- e) Không còn là i di n theo u quy n c a c ông là t ch c theo quy t nh c a t ch c ó;
- g) Là i di n theo u quy n c a c ông là t ch c, nh ng t ch c ó không còn là c ông c a Công ty n a;
- h) Theo quy t nh c a i h i ng c ông;**
- i) Cung c p thông tin cá nhân sai khi g i cho Công ty v i t cách là ng viên H i ng qu n tr ;**
- k) Các tr ng h p khác theo quy nh c a pháp lu t.**

6. H i ng qu n tr có th b nhi m thành viên H QT m i thay th ch tr ng b t ng phát sinh trong H QT và thành viên này ph i c ch p thu n t i i h i ng c ông ngay ti p sau ó. Sau khi c i h i ng c ông ch p thu n, vì c b nhi m thành viên m i ó s c coi là có hi u l c vào ngày c H QT b nhi m. Nhi m k c a thành viên H QT m i c tính t ngày vì c b nhi m có hi u l c n ngày k t thúc nhi m k c a H QT. Trong tr ng h p thành viên m i không c i h i ng c ông ch p thu n, m i quy t nh c a H QT cho n tr c th i i m di n ra i h i ng c ông có s tham gia bi u quy t c a thành viên H QT thay th v n c coi là có hi u l c.

7. Vì c b nhi m các thành viên H i ng qu n tr ph i c công b thông tin theo các quy nh c a pháp lu t v ch ng khoán và th tr ng ch ng khoán.

i u 27. Quy n h n và nhi m v c a H i ng qu n tr

1. Ho t ng kinh doanh và các công vi c c a Công ty ph i ch u s giám sát ho c ch o th c hi n c a H QT. H i ng qu n tr là c quan có y quy n h n th c hi n t t c các quy n nhân danh Công ty tr nh ng th m quy n thu c v i h i ng c ông.

2. H i ng qu n tr có trách nhi m giám sát, ch o Giám c và các cán b qu n lý, **ng i i u hành** khác trong **vi c qu n lý**, i u hành công vi c kinh doanh hàng ngày c a Công ty.

3. Quy n và ngh a v c a H QT do lu t pháp, i u l , các quy ch n i b c a Công ty và quy t nh c a i h i ng c ông quy nh. C th , H QT có nh ng quy n h n và nhi m v sau:

a) Xác nh các m c tiêu ho t ng trên c s các m c tiêu chi n l c c i h i ng c ông thông qua;

b) Quy t nh chi n l c, k ho ch phát tri n trung h n và k ho ch kinh doanh hàng n m c a Công ty;

c) B u, m i n nhi m, bãi nhi m Ch t ch H QT; B nhi m, m i n nhi m, cách ch c, ký h p ng, ch m d t h p ng, khen th ng, k lu t, cho ngh ch , quy t nh m c l ng và l i ích khác i v i Giám c Công ty và các ch c danh cán b qu n lý, **ng i i u hành** khác trên c s Quy ch qu n lý c a Công ty và theo ngh

c) Giám đốc; Quy định về công việc của Giám đốc hiện quy định như sau: phần nào của phần vốn góp của công ty khác cùng với mình thừa hưởng và lợi ích khác của công ty. Tuy nhiên, vì cơ bản nhiệm vụ của các thành viên quản lý, **nguyên tắc hành** Công ty không trái với các quy định theo hợp đồng của công ty (nếu có);

d) Quy định về góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác với tổng giá trị góp vốn, mua cổ phần đạt 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất để kê khai toán theo quy định của Giám đốc Công ty;

) Quy định về cấu trúc, quy chế quản lý nội bộ của Công ty; quy định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty. Xuất phát từ chức năng, chia tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể hoặc yêu cầu pháp luật của Công ty, **xuất phát từ Quy chế nội bộ và quản trị Công ty** trình **hiệu lực công thông qua theo thẩm quyền;**

e) Giám đốc quy định các khiếu nại của Công ty về việc các thành viên quản lý, **nguyên tắc hành** công việc quy định của công ty đại diện của Công ty giám đốc quy định các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý của các thành viên quản lý, **nguyên tắc hành** đó;

g) Xuất phát từ các lợi ích phi lợi nhuận có thể phát hành và tổng số phi lợi nhuận phát hành theo tổng lợi ích; Quy định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần của công ty chào bán của tổng lợi ích; quy định huy động thêm vốn theo hình thức khác; Quy định tài trợ huy động vốn của Công ty; Quy định mua lợi nhuận theo quy định tài khoản số 130 Luật doanh nghiệp;

h) Xuất phát từ việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chế độ quy định cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá nhất định; Quy định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chế độ khoán chuyển đổi trong trường hợp công ty hiệu lực công đồng quy định;

i) Xuất phát từ các hoạt động kinh doanh và xác định mục tiêu kinh doanh; tổ chức việc chi trả cổ tức; quy định thị trường và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lợi nhuận phát sinh trong quá trình kinh doanh;

k) Quy định phân phối lợi nhuận và dự trữ lợi nhuận trong thẩm quyền và giám đốc theo quy định của pháp luật này và Luật doanh nghiệp;

l) Quy định giám sát pháp phát triển thị trường, tài chính và công nghệ;

m) Chi phí thu nhập các hợp đồng và giao dịch ký giữa Công ty và nhà quản lý tổng quy định tài khoản số 1, số 162 của Luật doanh nghiệp có giá trị không hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính để kê khai toán gần nhất, trừ hợp đồng và giao dịch thu nhập của hiệu lực công đồng. Nguyên tắc của Công ty ký hợp đồng phải thông báo các thành viên HĐQT, BKS và các thành viên có liên quan về nội dung, giao dịch đó, đồng thời kèm theo danh sách nội dung nội dung chi phí của giao dịch. HĐQT quy định về chi phí thu nhập hoặc giao dịch trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo, thành viên HĐQT có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết;

n) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị không hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. Quy định này không áp dụng về nội dung và giao dịch quy định tại **Điều 15, Khoản 2 và Điều 15** của pháp luật này, Khoản 1 và Khoản 3 của Điều 162 Luật doanh nghiệp;

o) Quy định về mua, bán tài sản của Công ty có giá trị không hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất để kê khai toán;

p) Duy t ch ng trnh, n i dung tài li u ph c v h p i h i ng c ông, tri u t p h p i h i ng c ông ho c l y ý ki n i h i ng c ông thông qua quy t nh;

q) Trình báo cáo quy t toán tài chính h ng n m ã c ki m toán lên i h i ng c ông;

r) Báo cáo i h i ng c ông bi t vi c H QT b nhi m Giám c ;

s) c cung c p các thông tin, tài li u v tình hình tài chính, ho t ng kinh doanh c a Công ty và c a các n v trong Công ty (n u có);

t) Các quy n và ngh a v khác theo quy nh.

4. Nh ng v n sau ây ph i c H i ng qu n tr phê chu n:

a) Thành l p các chi nhánh ho c v n phòng i di n c a Công ty; thành l p các Công ty con c a Công ty;

b) Trong ph m vi quy nh t i kho n 2 i u 149 c a Lu t doanh nghi p và tr ng h p quy nh t i t i i m d, kho n 2 i u 135, kho n 1 và kho n 3 i u 162 Lu t doanh nghi p ph i do i h i ng c ông phê chu n, H i ng qu n tr tùy t ng th i i m quy t nh vi c th c hi n, s a i và hu b các h p ng c a Công ty;

c) Vi c ch nh và bãi nhi m nh ng ng i c Công ty y nhi m là i di n th ng m i và lu t s c a Công ty;

d) Vi c vay n và vi c th c hi n các kho n th ch p, b o m, b o lãnh và b i th ng c a Công ty;

) Các kho n u t không n m trong k ho ch kinh doanh và ngân sách ho c v t quá giá tr k ho ch; ho c các kho n u t v t quá 10% giá tr k ho ch và ngân sách kinh doanh hàng n m;

e) Vi c mua ho c bán c ph n, ph n v n góp c a Công ty quy nh t i i m d, kho n 3 i u này và i m n, kho n 2 i u 15 t i nh ng công ty khác c thành l p Vi t Nam hay n c ngoài;

g) Vi c nh giá các tài s n góp vào Công ty không ph i b ng t i n liên quan n vi c phát hành c phi u ho c trái phi u c a Công ty, bao g m vàng, quy n s d ng t, quy n s h u trí tu , công ngh và bí quy t công ngh ;

h) Vi c Công ty mua ho c thu h i không quá 10% c ph n theo t ng lo i, bao g m c m c giá mua ho c thu h i;

i) Các v n kinh doanh ho c giao d ch mà H QT quy t nh c n ph i có s ch p thu n c a các thành viên H QT trong ph m vi quy n h n và trách nhi m c a mình;

k) Quy t nh m c giá mua l i, thu h i c ph n ho c giá bán c ph n c a Công ty.

5. H QT ph i báo cáo i h i ng c ông v ho t ng c a mình, c th là v vi c giám sát c a H QT i v i Giám c và nh ng cán b qu n lý, ng i i u hành khác trong n m tài chính. Tr ng h p H QT không trình báo cáo cho i h i ng c ông, báo cáo tài chính hàng n m c a Công ty s b coi là không có giá tr và ch a c H QT thông qua.

6. H QT có th y quy n cho viên ch c c p d i và các cán b qu n lý, ng i i u hành i di n x lý công vi c thay m t cho Công ty, tr khi lu t pháp có quy nh khác.

7. Hội đồng Quản trị thông qua quy định bổ nhiệm hoặc bãi nhiệm quy định cụ thể về quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng Quản trị có mặt phải đủ quy định.

8. Khi thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, Hội đồng Quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quy định của Hội đồng Quản trị. Trong trường hợp quy định do Hội đồng Quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên chấp thuận thông qua quy định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quy định đó và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty; thành viên phải thông qua quy định nói trên có mặt trực tiếp chịu trách nhiệm. Trong trường hợp này, công sở thuộc Công ty liên tục trong thời hạn ít nhất **mười (01) năm** có quyền yêu cầu Hội đồng Quản trị đình chỉ thực hiện quy định nói trên.

Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng Quản trị

1. Các thành viên Hội đồng Quản trị (không tính các cố vấn độc lập quy định thay thế) có nhận thù lao cho công việc của mình với cách là thành viên Hội đồng Quản trị. Tổng mức thù lao của Chủ tịch Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng Quản trị do Hội đồng Quản trị quy định. Thù lao của thành viên Hội đồng Quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thu nhập doanh nghiệp và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của công ty, phải báo cáo Hội đồng Quản trị hàng năm.

2. Tổng số tiền trả cho các thành viên Hội đồng Quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quy định mua cổ phần và các lợi ích khác mà thành viên Hội đồng Quản trị là cố vấn phải được ghi rõ chi tiết trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng Quản trị không được vi phạm (bao gồm cả Chủ tịch Hội đồng Quản trị), hoặc thành viên Hội đồng Quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng Quản trị, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan niệm của Hội đồng Quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng Quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao đãi ngộ một khoản tiền công trả gói theo từng lần, lần, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quy định của Hội đồng Quản trị.

4. Thành viên Hội đồng Quản trị có quyền thanh toán tất cả các chi phí lãi, nợ và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị của mình, kể cả các chi phí phát sinh trong việc tham dự các cuộc họp của Hội đồng Quản trị, hoặc các tiểu ban của Hội đồng Quản trị hoặc Hội đồng Quản trị.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng Quản trị

1. Hội đồng Quản trị phải lựa chọn và bổ nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị làm Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Chủ tịch Hội đồng Quản trị sẽ không kiêm nhiệm chức Giám đốc Công ty.

2. Quy định và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng Quản trị thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 152 Luật doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quy định và nghĩa vụ sau đây:

- a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng Quản trị;
- b) Chủ trì, điều hành chương trình, nội dung, tài liệu họp của Hội đồng Quản trị; triệu tập họp của Hội đồng Quản trị;
- c) Tổ chức việc thông qua Nghị quyết của Hội đồng Quản trị;
- d) Giám sát quá trình thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị;
- e) Chủ trì các cuộc họp Hội đồng Quản trị, cuộc họp Hội đồng Quản trị;

3. **Chức vụ Hội đồng quản trị** có trách nhiệm đề xuất, chỉ định và thông qua Quy chế hoạt động của HĐQT và phân công nhiệm vụ cho các thành viên HĐQT Công ty.

4. **Chức vụ Hội đồng quản trị** phải có trách nhiệm làm báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các công ty liên quan;

5. **Chức vụ Hội đồng quản trị có thể bãi miễn theo quy định của Hội đồng quản trị.** Trường hợp Chức vụ Hội đồng quản trị từ chức hoặc bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bổ sung thay thế trong thời hạn **10** ngày.

Điều 30. Các chức vụ của Hội đồng quản trị

1. **Cấu trúc của HĐQT.**

Trường hợp Hội đồng quản trị bổ sung thành viên trong thời hạn **07** ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc buổi HĐQT nhiệm kỳ, Hội đồng quản trị phải bổ sung Chức vụ Hội đồng quản trị từ cấu trúc ưu tiên của nhiệm kỳ HĐQT, **ngoài ra các quy định khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.** Cấu trúc này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất ưu tiên. Trường hợp có nhiều thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc **âm** (01) người trong số ưu tiên phải Hội đồng quản trị.

2. **Các chức vụ khác.**

Chức vụ HĐQT hoặc người ưu tiên phải HĐQT phải ưu tiên và gửi thông báo mời họp HĐQT **nhất và bất thường** chậm nhất 05 ngày làm việc trước ngày họp, lập chương trình nghị sự, xác định thời gian, địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quy định. Chức vụ HĐQT có thể ưu tiên phải bất kỳ khi nào thực hiện thì, nhưng ít nhất là **ít nhất một** (01) lần.

3. **Các chức vụ bất thường.**

Chức vụ HĐQT phải ưu tiên phải Hội đồng quản trị bất thường khi thực hiện thì vì lợi ích của Công ty, không có trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các điều kiện này xảy ra ngay lập tức và trình bày mục đích của họp và các vấn đề cần bàn:

- a) Có nghị quyết của Ban kiểm soát;
- b) Có nghị quyết của Giám đốc ít nhất 05 người **đi kèm hành** khác;
- c) Có nghị quyết của ít nhất 02 thành viên **đi kèm** Hội đồng quản trị;
- d) Các trường hợp khác do luật công ty quy định.

Người phải lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quy định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

4. Các chức vụ Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3 điều này phải **Chức vụ Hội đồng quản trị** tiến hành trong thời hạn 07 ngày sau khi có xu hướng. Trường hợp Chức vụ Hội đồng quản trị không chấp nhận thì ưu tiên phải theo nghị quyết Chức vụ phải chịu trách nhiệm vụ này thì thì xảy ra **đi kèm** Công ty; nhưng người nghị quyết của cấu trúc của công ty Khoản 3 điều này có thể từ chối thì ưu tiên phải Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp có yêu cầu của **Công ty** kiểm toán lập **thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty**, Chức vụ Hội đồng quản trị phải ưu tiên phải Hội đồng quản trị bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

6. a i m h p:

Các cu c h p H QT s c t i n h à n h t i t r s c h í n h c a C ô n g t y h o c t i a i m k h á c V i t N a m t h e o q u y t n h c a C h t c h H i n g q u n t r v à c s n h t t r í c a H QT.

7. Thông báo và ch ã ng tr ã n h p.

a) Thông báo h p H i n g q u n t r p h i c g i t r c c h o c á c t h à n h v i ê n H i n g q u n t r v à K i m s o á t v i ê n í t n h t n m (05) n g à y l à m v i c t r c n g à y t c h c h p, n g t h i c ó t h g i G i á m c C ô n g t y k h ô n g p h i l à t h à n h v i ê n H QT; c á c t h à n h v i ê n H QT c ó t h t c h i t h o n g b á o m i h p b n g v n b n v à v i c t c h i n à y c ó t h c t h a y i h o c h y b b n g v n b n c a t h à n h v i ê n H i n g q u n t r ó. T h o n g b á o h p H QT p h i c l à m b n g v n b n t i n g V i t v à p h i t h o n g b á o y c h ã n g t r ã n, t h i g i a n, a i m h p, k è m t h e o n h n g t à i l i u c n t h i t v n h n g v n s c b à n b c v à b i u q u y t t i c u c h p H QT v à c á c p h i u b i u q u y t c a t h à n h v i ê n H QT.

b) Thông báo m i h p c g i b n g b u i n, f a x, t h i n t h o c p h n g t i n k h á c, n h n g p h i b o m n c a c h c a t n g t h à n h v i ê n H i n g q u n t r v à K i m s o á t v i ê n c ã n g k ý t i c ô n g t y.

8. S t h à n h v i ê n t h à m d t i t h i u.

a) C u c h p c a H i n g q u n t r t h e o g i y t r i u t p l n t h n h t c t i n h à n h k h i c ó t b a p h n t (3/4) t n g s t h à n h v i ê n t r l ê n d h p h o c t h o n g q u a n g i i d i n (n g i c u q u y n) n u c a s t h à n h v i ê n H i n g q u n t r c h p t h u n.

b) T r n g h p c u c h p c t r i u t p t h e o q u y n h t i i m a k h o n 8 i u n à y k h ô n g s t h à n h v i ê n d h p t h e o q u y n h, t h i c u c h p p h i c t r i u t p l n t h h a i t r o n g t h i h n b y (07) n g à y, k t n g à y d n h h p l n t h n h t. T r o n g t r n g h p n à y, c u c h p c t i n h à n h n u c ó h n m t n a (1/2) s t h à n h v i ê n H i n g q u n t r d h p;

c) N u k h ô n g s l n g t h à n h v i ê n n h v y t h i c u c h p H QT s c t c h c l i l n t h c b a v à o n g à y l à m v i c t i p t h e o t i c ù n g m t a i m v à c ù n g t h i g i a n, k h i ó c u c h p H QT l u ô n l à h p l m à k h ô n g p h t h u c v à o s l n g t h à n h v i ê n t h à m d .

9. B i u q u y t.

a) T r t r n g h p q u y n h t i i m b K h o n 9 i u n à y, m i t h à n h v i ê n H i n g q u n t r h o c n g i c u q u y n t r c t i p c ó m t v i t c á c h c á n h a n t i c u c h p H i n g q u n t r s c ó m t (01) p h i u b i u q u y t;

b) T h à n h v i ê n H i n g q u n t r k h ô n g c b i u q u y t v c á c h p n g, c á c g i a o d c h h o c x u t m à t h à n h v i ê n ó h o c n g i l i ê n q u a n t i t h à n h v i ê n ó c ó l i í c h v à l i í c h ó m à u t h u n h o c c ó t h m à u t h u n v i l i í c h c a C ô n g t y. M t t h à n h v i ê n H i n g s k h ô n g c t í n h v à o s l n g i b i u t i t h i u c n t h i t c ó m t c ó t h t c h c m t c u c h p H i n g q u n t r v n h n g q u y t n h m à t h à n h v i ê n ó k h ô n g c ó q u y n b i u q u y t;

c) T h e o q u y n h t i i m d K h o n 9 i u n à y, k h i c ó v n p h á t s i n h t r o n g m t c u c h p c a H i n g q u n t r l i ê n q u a n n m c l i í c h c a t h à n h v i ê n H i n g q u n t r h o c l i ê n q u a n n q u y n b i u q u y t m t t h à n h v i ê n m à n h n g v n ó k h ô n g

c gì i quy t b ng s t nguy n t b quy n bi u quy t c a thành viên H i ng qu n tr ó, nh ng v n phát sinh ó s c chuy n t i ch to cu c h p và phán quy t c a ch to liên quan n t t c các thành viên H i ng qu n tr khác s có giá tr là quy t nh cu i cùng, tr tr ng h p tính ch t ho c ph m vi l i ích c a thành viên H i ng qu n tr liên quan ch a c công b y ;

d) Thành viên H i ng qu n tr h ng l i t m t h p ng c quy nh t i i m a, i m b Kho n 5 i u 41 Lu t doanh nghi ps c coi là có l i ích áng k trong h p ng ó;

) Ki m soát viên, Giám c Công ty không ph i là thành viên H i ng qu n tr có quy n d cu c h p H i ng qu n tr , có quy n th o lu n nh ng không c bi u quy t.

10. Công khai l i ích.

Thành viên H i ng qu n tr tr c ti p ho c gián ti p ch ng l i t m t h p ng ho c giao d ch ã c ký k t ho c ang d ki n ký k t v i Công ty và bi t là mình có l i ích trong ó, s ph i công khai l i ích này trong cu c h p u tiên c a H i ng qu n tr th o lu n, xem xét v n ký k t h p ng ho c giao d ch này. Tr ng h p thành viên H QT không bi t b n thân và ng i liên quan có l i ích vào th i i m h p ng, giao d ch c ký v i Công ty, thành viên H QT này ph i công khai các l i ích liên quan t i cu c h p u tiên c a H i ng qu n tr c t ch c sau khi thành viên này bi t r ng mình có l i ích ho c s có l i ích trong giao d ch ho c h p ng nêu trên.

11. Bi u quy t a s .

Quy t nh c a H i ng qu n tr c thông qua n u c a s (trên 50%) thành viên đ h p ch p thu n. Tr ng h p s phi u tán thành và ph n i ngang nhau thì quy t nh cu i cùng thu c v phi u bi u quy t c a Ch t ch H i ng qu n tr .

12. Vi c b phi u c ang i v ng m t.

Thành viên không tr c ti p đ h p có quy n bi u quy t thông qua b phi u b ng v n b n b phi u i n t ho c hình th c i n t khác. Phi u bi u quy t b ng v n b n ph i ng trong phong bì kín và ph i c chuy n n Ch t ch H i ng qu n tr ch m nh t m t gi tr c gi khai m c. Phi u bi u quy t ch c m tr c s ch ng ki n c a t t c nh ng ng i đ h p.

13. H p trên i n tho i ho c các hình th c khác.

Cu c h p c a H QT có th t ch c theo hình th c h i ngh tr c tuy ng i a các thành viên c a H i ng qu n tr khi t t c ho c m t s thành viên ang nh ng a i m khác nhau v i i u ki n là m i thành viên tham gia h p u có th :

a) Nghe t ng thành viên H i ng khác cùng tham gia phát bi u trong cu c h p;

b) Phát bi u v i t t c các thành viên tham đ khác m t cách ng th i. Vi c th o lu n, trao i gi a các thành viên có th th c hi n m t cách tr c ti p, qua i n tho i ho c b ng ph ng ti n liên l c thông tin khác (k c vi c s d ng ph ng ti n này đ i n ra vào th i i m thông qua i u l hay sau này) ho c là k t h p t t c nh ng ph ng th c này. Theo i u l này, thành viên H i ng qu n tr tham gia cu c h p nh v y c coi là “có m t” t i cu c h p ó. a i m cu c h p c t ch c theo quy nh này là a i m mà nhóm thành viên H i ng qu n tr ông nh t t p h p l i, ho c n u không có m t nhóm nh v y, là a i m mà Ch to cu c h p hi n đ i n.

Các quy t nh c thông qua trong m t cu c h p qua i n tho i c t ch c và t i n hành m t cách h p th c s có hi u l c ngay khi k t thúc cu c h p nh ng ph i c kh ng nh b ng các ch ký trong biên b n c a t t c thành viên H i ng qu n tr tham d cu c h p này.

14. Ngh quy t b ng v n b n.

Ngh quy t theo hình th c l y ý ki n b ng v n b n c thông qua trên c s ý ki n tán thành c a a s thành viên H QT có quy n bi u quy t Ngh quy t lo i này có hi u l c và giá tr nh ngh quy t c các thành viên H i ng thông qua t i m t cu c h p c tri u t p và t ch c theo thông l .

15. Biên b n cu c h p H QT.

Ch t ch H QT có trách nhi m g i biên b n h p H i ng qu n tr cho các thành viên và nh ng biên b n ó s ph i c xem nh nh ng b ng ch ng xác th c v công vi c ã c t i n hành trong các cu c h p ó tr khi có ý ki n ph n i v n i dung biên b n trong th i h n m i (10) ngày k t ngày g i. Biên b n h p H QT c l p b ng ti ng Vi t và có th l p b ng ti ng Anh, có các n i dung ch y u theo i u 154 Lu t doanh nghi p và ph i có ch ký c a t t c các thành viên H i ng qu n tr tham d và ng i ghi biên b n. Cu c h p H QT có th ghi âm, ghi và l u gi d i hình th c i n t khác.

16. Nh ng ng i c m i h p d thính.

Ng i ph trách qu n tr (Th ký) Công ty, Giám c i u hành, Ki m soát viên, nh ng cán b i u hành khác (n u không ph i là thành viên H i ng qu n tr) và các chuyên gia c a m t bên th ba có th d h p H QT theo l i m i c a H i ng qu n tr nh ng không c bi u quy t tr khi b n thân h có quy n c bi u quy t nh thành viên H i ng qu n tr .

i u 31. Các t i u ban c a H i ng qu n tr

1. H i ng qu n tr quy nh chi t i t v vi c thành l p t i u ban, trách nhi m c a t ng t i u ban, trách nhi m c a thành viên c a t i u ban, c th H i ng qu n tr có th thành l p các t i u ban tr c thu c ph trách v chính sách phát tri n, nhân s , l ng th ng, ki m soát n i b . Thành viên c a t i u ban có ít nh t ba (03) ng i, bao g m thành viên c a H i ng qu n tr và thành viên bên ngoài theo quy t nh c a H i ng qu n tr . Các thành viên H i ng qu n tr c l p/thành viên H i ng qu n tr không i u hành chi m a s trong t i u ban và m t trong s các hành viên này c b nhi m làm Tr ng t i u ban theo quy t nh c a H i ng qu n tr . Ho t ng c a t i u ban ph i tuân th theo quy nh c a H i ng qu n tr . Ngh quy t c a t i u ban ch có hi u l c khi có a s thành viên tham d và bi u quy t thông qua t i cu c h p c a t i u ban là thành viên H i ng qu n tr .

2. Vi c th c thi quy t nh c a H i ng qu n tr , ho c c a tiêu ban tr c thu c H i ng qu n tr , ho c c a ng i có t cách thành viên tiêu ban H i ng qu n tr ph i phù h p v i các quy nh pháp lu t hi n hành và quy nh t i i u l Công ty.

i u 32. Ng i ph trách qu n tr công ty

1. Trong tr ng h p niêm y t ho c khi xét th y c n thi t, H i ng qu n tr ch nh ít nh t m t (01) ng i làm Ng i ph trách qu n tr Công ty h tr ho t ng qu n tr Công ty c t i n hành m t cách có hi u qu . Ng i ph trách qu n tr Công ty có th kiêm nhi m làm Th ký Công ty theo quy nh t i kho n 5 i u 152 Lu t doanh

nghi p. Nhiệm vụ của Hội đồng quản trị Công ty do Hội đồng quản trị quy định, tối đa là năm (05) năm.

2. Hội đồng quản trị Công ty phải áp dụng các tiêu chuẩn sau:

a) Có hiệu lực pháp luật;

b) Không có nội dung trái với các quy định của pháp luật và quy định của Hội đồng quản trị; không làm lợi cho Công ty khi làm toán các báo cáo tài chính của Công ty;

c) Am hiểu hoạt động kinh doanh và quản trị nội bộ của Công ty; Có khả năng tiếp thu, sử dụng thành thạo tin học, và các thiết bị văn phòng.

d) Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, nội quy này và quy định của Hội đồng quản trị.

3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Hội đồng quản trị Công ty khi cần thiết nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành và lao động.

4. Hội đồng quản trị Công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tổ chức Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Hội đồng công ty theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và công ty;

b) Chọn bổ các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Hội đồng công ty theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c) Tổ chức và thực hiện các cuộc họp;

d) Tham dự các cuộc họp;

e) Tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

g) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;

h) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về hoạt động công bố thông tin của Công ty.

i) Báo cáo thông tin theo các quy định của pháp luật và nội quy công ty;

k) Thực hiện nghĩa vụ lao động (nếu có) theo Quy chế quản lý nội bộ của Công ty và/hoặc theo quy định của Hội đồng quản trị.

l) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và nội quy công ty.

Mục 3:

GIÁM ĐỐC CÔNG TY

VÀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Công ty thiết lập và ban hành hệ thống quản lý nhân sự và bộ máy quản lý trách nhiệm theo quy định của pháp luật và nội quy công ty. Công ty có Giám đốc, một số Phó giám đốc điều hành và một số Kế toán trưởng và các chức danh khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm theo Quy chế quản lý của Công ty. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh nêu trên phải thực hiện bằng quy định của Hội đồng quản trị thông qua một cách hợp pháp. Giám đốc và các Phó giám đốc Công ty có thể đồng thời cũng là thành viên Hội đồng quản trị.

đ i u 34. Ng i i u hành Công ty

1. Theo ngh c a Giám c và c s ch p thu n c a H i ng qu n tr , Công ty c quy n tui n d ng, s d ng ng i i u hành khác v i s l ng và tiêu chu n phù h p v i c c u và c ch qu n lý công ty do H i ng qu n tr quy nh. Ng i i u hành Công ty ph i có s m n cán c n thi t các ho t ng và t ch c c a Công ty t c các m c tiêu ra.

2. M c l ng, t i n thù lao, l i ích và các ch chính sách khác i v i Giám c Công ty s do H i ng qu n tr quy t nh

3. M c l ng, t i n thù lao, l i ích và các i u kho n khác trong h p ng lao ng i v i ng i i u hành khác s do H QT quy t nh trên c s xu t c a Giám c.

4. T i n l ng c a Giám c và ng i i u hành khác c a Công ty c tính vào chi phí kinh doanh c a Công ty theo quy nh c a pháp lu t v thu thu nh p doanh nghi p và ph i c th hi n thành m c riêng trong báo cáo tài chính hàng n m c a Công ty, ph i báo cáo i h i ng c ông th ng niên.

đ i u 35. B nhi m, m i n nhi m, nhi m v và quy n h n c a Giám c

1. B nhi m.

H QT b nhi m m t thành viên trong H i ng ho c m t ng i khác làm Giám c Công ty và s ký h p ng quy nh m c l ng, thù lao, l i ích và các i u kho n khác liên quan. Thông tin v t i n l ng, thù lao, và l i ích khác c a Giám c Công ty ph i c báo cáo t i i h i ng c ông th ng niên và c nêu trong báo cáo th ng niên c a Công ty.

2. Nhi m k .

Nhi m k c a Giám c là 05 n m tr khi H QT có quy nh khác và có th c tái b nhi m. V i c b nhi m có th h t hi u l c c n c vào các quy nh t i H p ng lao ng (n u có). Giám c không ph i là ng i mà pháp lu t c m gi ch c v này ph i áp ng các tiêu chu n, i u ki n theo quy nh c a pháp lu t và i u l Công ty.

3. Tiêu chu n.

Giám c Công ty ph i có tiêu chu n theo i u 65 Lu t doanh nghi p và không c phép là nh ng ng i b pháp lu t c m gi ch c v này, t c là nh ng ng i v thành niên, ng i không n ng l c hành vi, ng i ã b k t án tù, ng i ang thi hành hình ph t tù, nhân viên l c l ng v trang, các cán b công ch c nhà n c và ng i ã b phán quy t là ã làm cho Công ty mà h t ng lãnh o tr c ây b phá s n.

4. Quy n h n và nhi m v .

a) Th c hi n các ngh quy t, quy t nh c a H QT và i h i ng c ông; t ch c th c hi n k ho ch kinh doanh và k ho ch u t c a Công ty ã c H QT và i h i ng c ông thông qua;

b) Quy t nh t t c các v n không thu c th m quy n ho c c n ph i có ngh quy t c a H i ng qu n tr , thay m t Công ty ký k t các h p ng và giao d ch tài chính và th ng m i theo th m quy n ho c các h p ng, giao d ch ã c H QT, i h i ng c ông thông qua theo quy nh c a i u l này, t ch c và i u hành ho t ng s n xu t kinh doanh th ng nh t c a Công ty theo nh ng thông l qu n lý t t nh t;

c) Ngh H i ng qu n tr b nhi m, m i n nhi m, cách ch c ho c ký h p ng, ch m d t h p ng, khen th ng, k lu t, cho ngh ch , quy t nh m c l ng c a Phó giám c, K toán tr ng Công ty, nh ngng i i u hành khác theo Quy ch qu n lý c a Công ty và c , b i m i n ng i i di n qu n lý ph n v n c a Công ty u t doanh nghi p khác;

d) Quy t nh b nhi m, m i n nhi m, cách ch c, khen th ng, k lu t, x p l ng, cho ngh ch i v i các ch c danh cán b , nhân viên trong Công ty không thu c di n ph i trình H QT phê chu n (i v i nh ng ch c danh c n ph i c s thông qua c a H QT thì ch c quy t nh sau khi ã báo cáo và c H QT thông qua);

) Tham kh o ý ki n c a H i ng qu n tr quy t nh s l ng ng i lao ng c a Công ty. Tuy n d ng lao ng, ký k t h p ng lao ng, b trí s d ng, quy t nh l ng và ph c p (n u có), khen th ng, k lu t, cho ngh ch ho c cho th i vi c ng i lao ng trong Công ty theo quy nh c a pháp lu t v lao ng và quy ch c a Công ty;

e) Ngh H i ng qu n tr quy t nh thành l p, t ch c l i, gi i th các công ty con, chi nhánh, v n phòng i di n c a Công ty, góp v n mua c ph n c a doanh nghi p khác; ngh phê duy t các Quy ch qu n lý n i b c a Công ty. ngh thông qua xu t vi c t ch c l i, chia tách, sáp nh p, h p nh t, gi i th ho c yêu c u phá s n Công ty, xu t Quy ch n i b v qu n tr Công ty trình i h i ng c ông thông qua theo th m quy n.

g) K i n ngh ph ng án tr c t c ho c x lý l trong kinh doanh; xu t nh ng bi n pháp nâng cao ho t ng và qu n lý c a Công ty;

h) Xây d ng d th o chi n l c phát tri n, k ho ch phát tri n ng n h n, trung h n, k ho ch kinh doanh hàng n m, các d án u t , các quy ch qu n lý n i b c a Công ty trình H QT;

i) Chu n b các b n d toán dài h n, hàng n m và hàng quý c a Công ty (sau ây g i là b n d toán) ph c v ho t ng qu n lý dài h n, hàng n m và hàng quý c a Công ty theo k ho ch kinh doanh. B n d toán hàng n m (bao g m c b n cân i k toán, báo cáo k t qu ho t ng s n xu t kinh doanh và báo cáo l u chuy n ti n t d k i n) cho t ng n m tài chính s ph i c trình H i ng qu n tr thông qua và ph i bao g m nh ng thông tin quy nh t i các quy ch c a Công ty;

k) Ch m nh t vào ngày 31 tháng 10 hàng n m, Giám c i u hành ph i trình H QT phê chu n k ho ch kinh doanh chi ti t cho n m tài chính t p theo trên c s áp ng các yêu c u kinh doanh và phù h p v i k ho ch tài chính 5 n m;

l) Th c hi n t t c các ho t ng khác theo quy nh c a i u l này và các quy ch c a Công ty, các ngh quy t c a H QT, h p ng lao ng c a Giám c i u hành và pháp lu t;

m) Có quy n t ch i th c hi n nh ng quy t nh c a Ch t ch hay thành viên H i ng qu n tr n u th y trái pháp lu t, trái i u l này ho c trái v i ngh quy t c a i h i ng c ông; ng th i ph i có trách nhi m thông báo ngay b ng v n b n cho Ban ki m soát;

n) c quy t nh các bi n pháp v t th m quy n c a mình trong nh ng tr ng h p kh n c p nh thiên tai, ho ho n, s c b t kh kháng và ch u trách nhi m v các quy t nh này, ng th i báo cáo ngay cho H i ng qu n tr ;

o) Thực hiện trách nhiệm của Người đi n theo pháp luật của Công ty quy định tại Điều 14 Luật Doanh nghiệp.

5. Báo cáo lên Hội đồng quản trị và các công đồng.

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Hội đồng công đồng về việc thực hiện nhiệm vụ và quy định của giao và phi báo cáo cho Hội đồng công đồng này khi cần yêu cầu.

6. **Mi n** nhiệm.

H QT có thể **mi n** nhiệm Giám đốc Công ty khi có a s (trên 50%) thành viên Hội đồng quản trị đề nghị cổ đông quy định tán thành và b nhiệm m t Giám đốc Công ty mới thay thế. Giám đốc Công ty b **mi n** nhiệm có quy định phi về **mi n** nhiệm này tại Hội đồng công đồng theo g n nh t.

7. T nhiệm học m t t cách.

a) Khi m u n t nhiệm, Giám đốc Công ty phi có g i H QT. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nh n, H QT phi xem xét và quy t nh.

b) Giám đốc Công ty m t t cách khi b ch t, m t trí, m t quy định công dân học t ý b nhiệm s 3 ngày tr lên. Trong trường h p này, H QT phi t m c g i thay thế không quá 30 ngày và t n hành các th t c b nhiệm Giám đốc m i.

8. U quy n, u nhiệm.

a) Giám đốc Công ty có thể u quy định học u nhiệm cho các Phó giám đốc học g i khác thay mình g i quy t m t s p h n về c a Công ty và chịu trách nhiệm pháp lý về s u quy định học u nhiệm ó;

b) Người c u quy n, u nhiệm phi chịu trách nhiệm pháp lý trước Giám đốc Công ty và pháp luật về nh công việc mình làm;

c) S u quy n, u nhiệm liên quan n con d u c a Công ty phi c th c h i n b ng v n b n và có thể h n.

M c 4:

BAN KI M SOÁT

Đ i u 36. ng c , c Ki m soát viên.

1. Trường h p ã xác nh c tr c ng viên, thông tin liên quan n các ng viên Ban kiểm soát c a vào tài liệu h p i h i ng c ô ng và công b t i thi u m i (10) ngày trước ngày khai m c cu c h p i h i ng c ô ng trên trang thông tin i n t c a Công ty c ô ng có thể tìm hi u v các ng viên này trước khi b phi u. ng viên Ban kiểm soát phi có cam kết b ng v n b n v tính trung thực, chính xác và h p lý c a các thông tin cá nhân c công b và phi cam kết th c h i n nhiệm vụ m t cách trung thực n u c b u làm Kiểm soát viên. Thông tin liên quan n ng viên Ban kiểm soát c công b bao g m các n i dung t i thi u sau ây:

- a) H tên, ngày, tháng, n m sinh;
- b) Trình h c v n;
- c) Trình chuyên môn;
- d) Quá trình công tác;

) Các công ty mà **ng viên** **ang n m gi** **ch c v** **Ki m soát viên** và các **ch c** **danh qu n lý,** **i u hành khác;**

e) Báo cáo **ánh giá v** **óng góp c a** **ng viên** cho Công ty, trong tr **ng h p** **ng viên ó hi n** **ang là Ki m soát viên c a** Công ty;

g) Các **l i ích có liên quan t i** Công ty (n u có);

h) **H , tên c a c** **ông ho c nhóm c** **ông** **c** **ng viên ó** (n u có);

i) Các thông tin khác (n u có).

2. **Gi i thi u,** **c** **vào Ban ki m soát.**

Các **c** **ông n m gi** **ít h n 5%** **s c** **ph n ph** **thông** trong th **i h n liên t c** **ít** **nh t sáu (06)** **tháng có quy n g p s** **phi u bi u quy t c a t** **ng ng** **i l i v i** **nhau** **c** **các** **ng viên** **Ban ki m soát.** **C** **ông ho c nhóm c** **ông n m gi t 5%** **n** **d i 20%** **t ng s c** **ph n có quy n bi u quy t** **c** **c m t (01)** **ng viên;** **t 20%** **n** **d i 50%** **c** **c t i a hai (02)** **ng viên;** **t 50%** **n** **d i 65%** **c** **c** **t i a ba (03)** **ng viên;** **t 65% tr lên** **c** **c** **s** **ng viên.** **C** **ông T p oàn** **Than- Khoáng s n Vi t Nam (TKV)** **c quy n** **c** **a s** **(trên 50%) s** **ng viên** **Ban ki m soát.**

3. Tr **ng h p s l** **ng các** **ng viên** **Ban ki m soát** **thông qua** **c** **và** **ng c** **v n không** **s l** **ng c n thi t,** **Ban ki m soát** **ng nhi m có th** **c** **thêm** **ng** **viên ho c t** **ch c** **c** **theo c** **ch** **c** **Công ty quy nh t i quy ch n i b v qu n** **tr** **Công ty.** **Th t c và c** **ch** **Ban ki m soát** **ng nhi m** **c** **ng viên** **Ban ki m** **soát ph i** **c** **công b** **rõ ràng** **và ph i** **c** **i h i** **ng c** **ông** **thông qua tr** **c** **khí** **t i n hành** **c** .

i u 37. S l **ng, thành ph n, nhi m k c a** **Ki m soát viên**

1. **S l** **ng** **Ki m soát viên c a** Công ty là 03 thành viên do **i h i** **ng c** **ông b u** **và** **bãi mi n.** **Nhi m k c a** **Ban ki m soát** là 05 n m; **Ki m soát viên** có th **c b u l i v i s** **nhi m k** **không h n ch** .

2. **Ki m soát viên** **ph i** **áp** **ng các tiêu chu n** **và** **i u ki n** **theo quy nh t i** **kho n l** **i u 164 Lu t doanh nghi p,** **i u l** **công ty** **và** **không thu c** **các tr** **ng h p** **sau:**

a) **Làm vi c** **trong b** **ph n k** **toán, tài chính c a** **công ty;**

b) Là thành viên hay nhân viên **c a** **công ty** **ki m toán** **c l p th c hi n** **ki m** **toán các báo cáo tài chính c a** **công ty** **trong ba (03)** **n m li n tr** **c ó.**

3. **Các ki m sát viên** **ph i b u m t** **Ki m soát viên** **làm Tr** **ng ban ki m soát** **theo nguyên t c a s** . **Tr** **ng ban ki m soát ph i** **là k** **toán viên ho c** **ki m toán viên** **chuyên nghi p** **và ph i** **làm vi c** **chuyên trách t i** **Công ty,** **không ph i** **là** **ng** **i** **làm** **vi c** **trong b** **ph n k** **toán tài chính** **và** **không ph i** **là** **Giám** **c** **tài chính c a** **công ty.** **Tr** **ng ban ki m soát** **có các quy n** **và trách nhi m** **sau:**

a) **Tri u t p** **và** **ch** **trì cu c h p** **Ban ki m soát;**

b) **Yêu c u** **H QT,** **Giám** **c** **i u hành** **và** **nh** **ng** **i** **i u hành** **khác** **cung** **c p** **các thông tin liên quan** **báo cáo các thành viên c a** **Ban ki m soát;**

c) **L p** **và** **ký báo cáo c a** **Ban ki m soát** **sau** **khí** **ã** **tham kh o ý ki n c a** **H i** **ng qu n tr** **trình lên** **i h i** **ng c** **ông;**

4. **Ki m soát viên b** **mi n nhi m,** **bãi nhi m** **trong các tr** **ng h p** **sau:**

a) **Kiểm soát viên** có b pháp luật c m làm **Kiểm soát viên** hoặc không còn tiêu chuẩn và i u ki n làm **Kiểm soát viên** theo quy nh t i i u 164 Lu t doanh nghi p.

b) **Kiểm soát viên** ó có n t ch c c g i n tr s chính Công ty và c ch p thu n;

c) **Kiểm soát viên** ó b r i lo n tâm th n và **Kiểm soát viên khác** có nh ng b ng ch ng chuyên môn ch ng t ng i ó không còn n ng l c hành vi dân s ;

d) **Kiểm soát viên** ó không th c hi n ngh a v c a mình, v ng m t không tham d các cu c h p c a Ban ki m soát liên t c trong vòng sáu (06) tháng liên t c, và trong th i gian này Ban ki m soát không cho phép **Kiểm soát viên** ó v ng m t và ã phán quy tr ng ch c v c a ng i này b b tr ng, tr tr ng h p b t kh kháng;

e) **Kiểm soát viên** ó b b i nhi m **Kiểm soát viên** theo quy t nh c a i h i ng c ông do không hoàn thành nhi m v ho c vi ph m nhi u l n ngh a v c a **Kiểm soát viên** theo quy nh c a Lu t doanh nghi p và i u l này

f) Không còn là i di n theo u quy n c a c ông là t ch c theo quy t nh c a t ch c ó;

g) Là i di n theo u quy n c a c ông là t ch c, nh ng t ch c ó không còn là c ông c a Công ty n a;

h) Các tr ng h p khác theo quy nh c a pháp lu t, i u l này.

5. Ban ki m soát có th c thay th khi có ch tr ng b t ng phát sinh và thành viên m i này ph i c ch p thu n t i i h i ng c ông ngay t i p sau ó. Sau khi c i h i ng c ông ch p thu n, vi c thay th thành viên m i ó s c coi là có hi u l c vào ngày c Ban ki m soát thay th. Nhi m k c a thành viên Ban ki m soát m i c tính t ngày vi c thay th có hi u l c n ngày k t thúc nhi m k c a Ban ki m soát. Trong tr ng h p thành viên m i không c i h i ng c ông ch p thu n, m i quy t nh c a Ban ki m soát cho n tr c th i i m di n ra i h i ng c ông có s tham gia bi u quy t c a thành viên Ban ki m soát thay th v n c coi là có hi u l c.

6. Tr ng h p Ban ki m soát vi ph m nghiêm tr ng ngh a v c a mình có nguy c gây thi t h i cho Công ty thì H i ng qu n tr tri u t p i h i ng c ông xem xét và b i nhi m Ban ki m soát ng nhi m và b u Ban ki m soát m i thay th .

7. Trong tr ng h p vào th i i m k t thúc nhi m k mà Ban ki m soát nhi m k m i ch a c b u thì Ban ki m soát ã h t nhi m k v n t i p t c th c hi n quy n và nhi m v cho n khi Ban ki m soát nhi m k m i c b u và nh n nhi m v .

i u 38. Ban ki m soát

1. Quy n và nhi m v c a Ban ki m soát:

Ban ki m soát có quy n h n và trách nhi m theo quy nh t i i u 165 c a Lu t Doanh nghi p và i u l này, ch y u là nh ng quy n h n và trách nhi m sau ây:

a) Giám sát tình hình tài chính c a Công ty, tính h p pháp trong các ho t ng c a thành viên H i ng qu n tr, Giám c i u hành, và ng i qu n lý khác, s ph i h p ho t ng gi a Ban ki m soát v i H i ng qu n tr, Giám c và c ông;

b) Ch u trách nhi m tr c i h i ng c ông trong vi c th c hi n các nhi m c giao;

c) Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ tin cậy trong quản lý, nội dung hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;

d) Thẩm nh tính ý, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và sáu tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị. Trình báo cáo thẩm nh báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm của Công ty và báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị lên Hội đồng công tác chấp hành hàng năm;

) Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty;

e) Xem xét số kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, nội dung hoạt động của Công ty bất cứ khi nào cần xét thực tiễn theo quy định của Hội đồng công tác theo yêu cầu của công tác nhóm công quy định tại Khoản 4 điều 12 của Điều lệ này;

g) Khi có yêu cầu của công tác nhóm công quy định tại Khoản 4 điều 12 của Điều lệ này, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo ghi trình và nội dung yêu cầu kiểm tra của Hội đồng quản trị và công tác nhóm công có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn nội dung hoạt động kinh doanh của Công ty;

h) Kiểm tra Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng công tác các biện pháp sai, bổ sung, cải tiến tổ chức quản lý, nội dung hoạt động kinh doanh của Công ty;

i) Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc nội dung và nội dung khác vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có ghi pháp khắc phục hậu quả;

k) Xuất và kiểm tra Hội đồng công tác phê chuẩn việc lập kế toán kế toán viên, mức phí kiểm toán và mức liên quan nếu rút lui hay bãi nhiệm của Công ty kiểm toán viên. Thờ luận với kiểm toán viên lập và tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán; thờ luận và nội dung khó khăn và tình hình phát hiện các kết quả kiểm toán giá trị hoặc các vấn đề mà kiểm toán viên lập luận bàn bạc;

l) Xem xét thực quản lý của kiểm toán viên lập và ý kiến phê bình của Ban nội dung hành, quản lý Công ty; xem xét báo cáo của Công ty và các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận; xem xét những kết quả nội dung và ý kiến phê bình của Ban nội dung hành, quản lý Công ty;

m) Ban kiểm soát có quy định nội dung lập hoặc bổ nhiệm kiểm toán nội bộ của Công ty thực hiện các nhiệm vụ giao;

n) Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiểm tra lên Hội đồng công tác;

o) Tham dự các cuộc họp của HĐQT theo quy định, phát biểu ý kiến nhưng không có tham gia biểu quyết;

p) Thể hiện các quy định và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp, nội dung này và quy định của nội dung công.

2. Quy định cung cấp thông tin của Ban kiểm soát:

a) Thông báo miệng, phiếu lý do thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo phiếu công các thành viên Ban Kiểm soát cùng thẩm định và theo dõi thành viên Hội đồng quản trị.

b) Thành viên của Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty và **người đi hành khác** phải cung cấp ý kiến, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, đi hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của **Kiểm soát viên** hoặc Ban kiểm soát.

c) **Người phụ trách quản trị** (Thư ký) Công ty phải báo cáo toàn bộ nội dung sao chép các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và báo cáo biên bản, nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp lệ nội dung công sếp cung cấp cho **Kiểm soát viên** vào cùng thẩm định và theo dõi thành viên Hội đồng quản trị.

d) Báo cáo của Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành công các **Kiểm soát viên** cùng thẩm định và theo dõi thành viên Hội đồng quản trị.

) Kiểm soát viên có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền tiến hành làm việc của người quản lý, **đi hành** và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc;

e) Báo cáo và tài liệu do Hội đồng quản trị chủ trì liên quan đến kết quả kinh doanh, báo cáo tài chính, báo cáo đánh giá công tác quản lý đi hành Công ty phải công các thành viên Ban kiểm soát chậm nhất 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp nội dung công **thông niên**.

3. Nghĩa vụ của **Kiểm soát viên**:

a) Tuân thủ pháp luật, nội dung Công ty, quy định của nội dung công và các quy định nội dung công trong thể hiện các quy định và nhiệm vụ công giao;

b) Thể hiện các quy định và nhiệm vụ công giao một cách trung thực, cẩn trọng, tận tâm nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của Công ty và công của Công ty;

c) Trung thành với lợi ích của Công ty và công Công ty; không công sếp thông tin, bí quyết, các hoạt động kinh doanh của Công ty, lợi nhuận, chi phí và tài sản của Công ty cho người công lợi ích cá nhân khác;

d) Trừng phạt vi phạm nghĩa vụ quy định tại các điều a, b, c của Khoản này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì các **Kiểm soát viên** phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại;

Miễn thu nhập và lợi ích khác mà **Kiểm soát viên** trực tiếp hoặc gián tiếp có được do vi phạm nghĩa vụ quy định tại mục khoản này trừ chi phí của Công ty.

) Trừng phạt phát hiện có **Kiểm soát viên** vi phạm nghĩa vụ trong thể hiện quy định và nhiệm vụ công giao thì Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người công hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

4. Cuộc họp của Ban kiểm soát

a) Sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần trong năm và cuộc họp cuối năm hành khi có tối thiểu hai phần ba (2/3) số thành viên trở lên dự họp. Biên bản họp Ban kiểm soát phải chi tiết và rõ ràng. Thủ ký (nếu có) và các Kiểm soát viên tham dự họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng Kiểm soát viên.

b) Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và Giám đốc tài chính tham dự và trình bày các vấn đề mà các Kiểm soát viên quan tâm.

5. Tài sản công ty thuộc lao và chi phí hoạt động cho Kiểm soát viên do Hội đồng công ty quy định và tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải công bố thành phần riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty, phải báo cáo Hội đồng công ty hàng năm. Kiểm soát viên phải thanh toán các khoản chi phí lãi, nợ, chi phí sử dụng dịch vụ và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Mục 5:

B U H I NG QU N TR VÀ BAN KI M SOÁT

Điều 39. B u H i ng qu n tr và Ban ki m soát

1. Các công ty phải thông tin ngay lập tức thành nhóm thông tin các điều kiện quy định của Nghị định về HQT và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các công ty để biết chi tiết ngay khi khai mạc cuộc họp Hội đồng công ty. Công ty phải thông báo cho các công ty về thông tin trên thị trường về việc họp Hội đồng công ty.

2. Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, công ty hoặc nhóm công ty quy định tại Khoản 4 Điều 12 của quy định về tổ chức và hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát theo quy định tại các Khoản 5 Điều 25 và Khoản 2 Điều 36 của pháp luật. Trường hợp số thành viên công ty hoặc nhóm công ty thành phần số thành viên mà Hội đồng công ty quy định thì số thành viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các công ty khác.

3. Việc bầu quy tắc thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu cử phi lợi nhuận, theo mô hình công ty cổ phần phi lợi nhuận quy tắc công ty và các thành viên của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và công ty có quy định về tổ chức và hoạt động của công ty phi lợi nhuận của mình cho tổ chức thành viên.

4. Nếu công ty trúng thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên phải xác định theo số phiếu bầu tính toán cao nhất, bất cứ công ty nào có số phiếu bầu cao nhất cho thành viên quy định tại Điều 1 của Công ty. Trường hợp có 02 công ty trở lên cùng số phiếu bầu thì thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các công ty nào có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định của công ty.

5. Trường hợp bổ nhiệm thì không số lượng thành viên HĐQT và Ban kiểm soát theo quy định thì phải tiến hành bổ nhiệm hai trong số những người đã đề cử của nhân sự còn lại. Trường hợp khi bổ nhiệm hai vị chức danh số lượng quy định thì phải theo quy định có bổ nhiệm hay không, nếu người không quy định thì chờ thời điểm quy định.

Mục 6:

TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HĐQT, KIỂM SOÁT VIÊN, GIÁM ĐỐC CÔNG TY VÀ NGƯỜI ĐI HÀNH KHÁC

Điều 40. Trách nhiệm của thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Giám đốc Công ty và người đi hành

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc Công ty và người đi hành khác đều có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể như nhiệm vụ với cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực và theo phương thức mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của Công ty và vì lợi ích của thành viên mà mình tin tưởng thì trong trường hợp có khi nhiệm vụ trái ngược và trong hoàn cảnh nhất định.

Điều 41. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột quy định

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người đi hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.

2. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Giám đốc Công ty và cán bộ quản lý khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì lợi ích cá nhân; người không được sử dụng những thông tin có thể ảnh hưởng đến lợi ích cá nhân hay phục vụ lợi ích cá nhân để thực hiện cá nhân nào khác.

3. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Giám đốc Công ty và người đi hành khác có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT tất cả lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể nhận được thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.

4. Trường hợp người không quy định khác, Công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Giám đốc Công ty, người đi hành khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân nào mà những người này có các lợi ích tài chính, trường hợp công ty liên quan và thực có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng Tập đoàn hoặc các Công ty hoạt động theo nhóm Công ty, bao gồm Công ty mẹ - Công ty con, Tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.

5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc Công ty, người đi hành khác, hoặc các cá nhân, thực có liên quan đến hoặc công ty, tác nhân, hiệp hội, hoặc thực có mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc Công ty, người đi hành khác hoặc

những người liên quan này là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính, sẽ không bị vô hiệu hóa trong các trường hợp sau đây:

a) những hợp đồng có giá trị dưới 20% tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch công nghệ các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị. Ngoài ra, Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng cách phân tán thành các thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan; hoặc

b) những hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% của tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yêu cầu quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này công nghệ các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành đã được công bố cho các công đồng không có lợi ích liên quan có quy định ưu tiên rõ ràng, và những công đồng đó đã bị phân tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;

c) Hợp đồng hoặc giao dịch đó có một phần chi tiết vẫn có thể là công nghệ và hợp lý xét trên mặt pháp lý liên quan đến các công nghệ của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này của Hội đồng quản trị hoặc hội đồng, thông qua hoặc phê chuẩn.

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc Công ty, người điều hành khác, các cá nhân và thực thể có liên quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 42. Trách nhiệm và thẩm quyền

1. Trách nhiệm và thẩm quyền.

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc Công ty và người điều hành khác vì phạm vi của mình, trách nhiệm trung thực và công bằng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình vì sự mất cân bằng và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiếu sót do hành vi phạm của mình gây ra.

2. Thẩm quyền.

Công ty sẽ thẩm quyền cho những người này, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ kiện, kiện, khiếu nại (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành, nhân viên hoặc là người đi làm theo quy định của Công ty hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty vì một cách thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành, nhân viên hoặc là người đi làm theo quy định của Công ty vì lợi ích kinh doanh của người đó đã hành động trung thực, công bằng, minh bạch vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác định rằng người đó đã phạm những trách nhiệm của mình.

Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo quy định của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, người điều hành, nhân viên hoặc là người đi làm theo quy định của Công ty của Công ty thẩm quyền khi trở thành một bên liên quan trong các vụ kiện, kiện, khiếu nại (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

a) đã hành động trung thực, công minh, minh bạch vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;

b) Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bất động sản bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê đất), chi phí phân quyền, các khoản tín dụng, các khoản phí thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc coi là mức hợp lý khi ghi quy định này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người có trách nhiệm bất động sản nêu trên.

Chương IV:

QUY ĐỊNH VỀ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 43. Quy định về sách và hồ sơ

1. Công ty nhóm công nhân nêu tại khoản 3 điều 12 của Điều lệ này có quyền truy cập thông qua người quản lý quy định trong yêu cầu kiểm tra trong giấy làm việc và tài liệu kinh doanh chính của Công ty danh sách công nhân, các biên bản của hội đồng công nhân và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Yêu cầu kiểm tra do người đi nhận quy định của công nhân phải kèm theo giấy yêu cầu quy định của công nhân mà người đi nhận, hoặc mặt bằng sao công nhân của người quy định này.

2. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Giám đốc Công ty và người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký của Công ty, danh sách công nhân và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với tư cách là các thông tin này phải công bố.

3. Công ty phải lưu trữ hồ sơ này và những bản sao, bổ sung hồ sơ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quy định của tài sản, biên bản, nghị quyết hội đồng công nhân và HĐQT, các báo cáo của HĐQT và Ban kiểm soát, báo cáo tài chính, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tài chính hoặc mặt khác với tư cách là các công nhân và các quan chức kinh doanh công thông báo và lưu trữ các giấy tờ, tài liệu này.

4. Mọi công nhân có quyền của Công ty công bố mặt bằng Công ty miễn phí (trên hình Công ty chưa có website). Nếu Công ty có website, hồ sơ Công ty phải công bố trên website của Công ty.

Ch ng V:
CÔNG NHÂN VIÊN, CÔNG OÀN VÀ CÁC T CH C
CHÍNH TR - XÃ H I TRONG CÔNG TY

i u 44. Công nhân viên, công oàn và t ch c chính tr - xã h i

1. Giám c Công ty ph i l p k ho ch H QT thông qua v các v n liên quan n vi c tuy n d ng, cho ng i lao ng ngh vi c, ti n l ng, b o hi m xã h i, phúc l i, khen th ng và k lu t i v i ng i lao ng và ng i i u hành Công ty.

2. T ch c ng C ng s n Vi t Nam trong Công ty ho t ng theo Hi n pháp và pháp lu t c a n c C ng hòa Xã h i Ch ngh a Vi t Nam và i u l ng C ng s n Vi t Nam.

3. T ch c công oàn, các t ch c chính tr - xã h i khác trong Công ty ho t ng theo Hi n pháp và pháp lu t c a n c C ng hòa Xã h i Ch ngh a Vi t Nam và i u l c a các t ch c ó.

4. Công ty có ngh a v tôn tr ng và không c c n tr , gây khó kh n trong vi c thành l p t ch c chính tr , t ch c chính tr – xã h i t i Công ty; không c c n tr , gây khó kh n cho ng i lao ng tham gia ho t ng trong các t ch c này; t o i u ki n cho các t ch c trên ho t ng úng ch c n ng, nhi m v và i u l c a mình.

Ch ng VI:
PHÂN PH I L I NHU N

i u 45. Phân ph i l i nhu n

1. L i nhu n tr c thu c a Công ty sau khi bù p l n m tr c (n u có) theo quy nh c a Lu t thu thu nh p doanh nghi p, trích qu Phát tri n khoa h c và công ngh (n u có) theo quy nh, n p thu thu nh p doanh nghi p và hoàn thành các ngh a v tài chính khác theo quy nh c a pháp lu t ph n còn l i c s d ng nh sau:

a) Chia c t c;

b) Trích l p các qu theo quy nh hi n hành c a pháp lu t.

2. M c c t c, hình th c chi tr c t c hàng n m t l i nhu n c gi l i c a Công ty và t l trích l p các qu do i h i ng c ông quy t nh theo ngh c a H QT.

i u 46. C t c

1. Theo quy t nh c a i h i ng c ông và theo quy nh c a pháp lu t, c t c s c công b và chi tr t l i nhu n gi l i c a Công ty nh ng không c v t quá m c H QT ngh và c i h i ng c ông thông qua.

2. H QT có th quy t nh thanh toán t m ng c t c gi a k n u xét th y vi c chi tr này phù h p v i kh n ng sinh l i c a Công ty.

3. Công ty không thanh toán lãi cho kho n ti n tr c t c hay kho n ti n chi tr liên quan t i m t lo i c phi u.

4. HĐQT có thể nghị quyết thông qua việc thanh toán toàn bộ hoạt động kinh doanh của công ty và HĐQT là cơ quan thực thi nghị quyết này. Công ty có thể chỉ trích công ty, trình tố tụng và thực thi các quyền của công ty theo quy định của Luật doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

5. Trường hợp công ty hay ngân hàng không liên quan tìm kiếm chi phí hoặc chi trả ngân sách, Công ty sẽ phải chi trả ngân sách Ngân hàng hoặc thông qua các ngân hàng trên các thông tin chi tiết về ngân hàng do công ty cung cấp. Trường hợp Công ty chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do công ty cung cấp mà công ty không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho công ty khác. Việc thanh toán các chi phí và các chi phí liên quan tới việc ký giao dịch tại S giao dịch ngân hàng có thể tiến hành thông qua Công ty chứng khoán hoặc Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

6. Các Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, HĐQT thông qua nghị quyết xác định từ ngày chốt danh sách công ty. Các theo ngày đó, ngân hàng ký với cách công ty hoặc ngân hàng các chứng khoán khác quy định như cổ phiếu, trái phiếu, phân phối lợi nhuận, nhận chi phí, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

7. Các văn bản khác liên quan phân phối lợi nhuận thực hiện theo quy định của pháp luật.

Chương VII:

TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, N M TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH K TOÁN

Điều 47. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty sẽ mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận từ các cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty sẽ tiến hành thực hiện các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 48. Nguồn bổ sung vốn

Công ty sẽ bổ sung vốn từ các nguồn theo quy định, trình tố tụng và thực hiện bổ sung vốn Công ty thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 49. N m tài chính

N m tài chính của Công ty bắt đầu ngày đầu tiên của tháng M t hàng năm và kết thúc vào ngày 31 của tháng M i Hai cùng năm. N m tài chính đầu tiên bắt đầu ngày công bố nghị quyết doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 của tháng M i Hai của năm đó, unless hạn 90 ngày; trường hợp hạn 90 ngày thì công ty nộp vào n m tài chính tiếp theo.

Điểm 50. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sản xuất là Chế độ kế toán Việt Nam (VAS) và chế độ kế toán doanh nghiệp và Chế độ kế toán áp dụng trong Tập đoàn công nghiệp than - khoáng sản Việt Nam về Tài chính chi phí thu nhập.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty sử dụng hệ thống kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hệ thống này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải minh bạch trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sản xuất Việt Nam (hoặc người tài trợ chuyên nghiệp trong trường hợp các quan nhà nước có thẩm quyền chi phí thu nhập) làm nhiệm vụ kiểm tra trong kế toán.

Chương VIII:

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

Điểm 51. Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật về ngành các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và phải kiểm toán theo quy định tại Điều 54 của Luật này, và trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc nhiệm kỳ tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm tra thông qua cho các quan thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán (nếu có công ty niêm yết), cơ quan đăng ký kinh doanh và Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

2. Báo cáo tài chính hàng năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình tài sản và lợi nhuận của Công ty trong năm tài chính và bảng cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. Trường hợp Công ty là một công ty mẹ, ngoài báo cáo tài chính năm, Công ty còn phải lập bảng cân đối kế toán tổng hợp về tình hình hoạt động của Công ty và các công ty con vào cuối năm tài chính.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính sáu tháng đã soát xét và báo cáo tài chính quý (nếu có công ty niêm yết/công ty chứng khoán) theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán (nếu có công ty niêm yết) và nộp cho các quan thẩm quyền và Cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật doanh nghiệp và Tập đoàn công nghiệp than - khoáng sản Việt Nam.

4. Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo tài chính sáu tháng đã soát xét và báo cáo tài chính quý (nếu có công ty niêm yết, công ty chứng khoán) phải công bố trên trang thông tin internet của Công ty.

5. Các thành viên, cá nhân quan tâm sử dụng quy định sao chép báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và hàng quý trong giới hạn vì các Công ty, tổ chức chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chép.

Điểm 52. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về kế toán và thuế kế toán và của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam.

Điểm 53. Công khai thông tin

Công ty phải lập và công bố công khai thông tin theo quy định tại Điều 171 của Luật doanh nghiệp.

Chương IX: KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điểm 54. Kiểm toán

1. Tất cả những công ty thường niên sẽ niêm yết công ty kiểm toán công lập, hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán công lập và quy định cho HĐQT quyết định lựa chọn một trong số các năm này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên nghị quyết của Hội đồng quản trị và ủy quyền từ Hội đồng quản trị. Công ty phải chấp hành và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán công lập sau khi kết thúc năm tài chính.

2. Công ty kiểm toán công lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính năm phản ánh các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho HĐQT trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Mọi bản sao của Báo cáo kiểm toán sẽ phải được gửi kèm với mỗi bản báo cáo kế toán hàng năm của Công ty.

4. Kiểm toán viên thành viên của kiểm toán Công ty sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp của Hội đồng quản trị và các quy định khác các thông báo và các thông tin khác liên quan đến những công việc mà Hội đồng quản trị quy định và các phát biểu ý kiến từ Hội đồng quản trị có liên quan đến kiểm toán.

Chương X: CON DŨ

Điểm 55. Con dũ

1. HĐQT thông qua một con dũ chính thức của Công ty và con dũ các khác theo quy định của luật pháp.

2. HĐQT, Giám đốc điều hành sẽ điều hành và quản lý con dũ theo quy định của pháp luật hiện hành.

Chương XI:
CHƯƠNG TRÌNH THỔ DUNG VÀ THANH LÝ

Điều 56. Chương trình

1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:

- a) Tòa án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
- b) Giải thể theo quy định của Điều lệ Công ty.
- c) Các trường hợp khác do pháp luật quy định.

2. Việc giải thể Công ty do Điều lệ Công ty quy định, Hội đồng quản trị quyết định. Quy định giải thể này phải thông báo đến cơ quan có thẩm quyền hoặc xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu trường hợp chấp thuận này là bắt buộc theo quy định).

Điều 57. Thanh lý

1. Ít nhất sáu (6) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi cóมติ quy định giải thể Công ty, HĐQT phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên trong đó do Điều lệ Công ty chọn và một (01) thành viên do HĐQT chọn từ một công ty kế toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chịu trách nhiệm các quy định hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể là nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ do Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh vào ngày mà Ban thanh lý thành lập và ngày bắt đầu hoạt động trên thực tế. Kết thúc nhiệm vụ, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tài sản của các thành viên sẽ thanh toán theo thứ tự sau:

- a) Các chi phí thanh lý;
- b) Tiền lương và chi phí bổ sung cho công nhân viên;
- c) Thuế và các khoản nợ có tính chất thuế mà Công ty phải trả cho Nhà nước;
- d) Các khoản vay (nếu có);
- e) Các khoản nợ khác của Công ty;

e) Số dư còn lại sau khi đã thanh toán mọi khoản nợ của công ty sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ đông ưu tiên thanh toán trước.

Chương XII:
GIỚI QUY TRÌNH TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 58. Giới quy trình tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khi xảy ra có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền của các công nhân phát sinh từ nội quy hay nội bộ quy định nội quy do Luật doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giải quyết:

a) Công nhân viên Công ty; hoặc

b) Công nhân viên HĐQT, Ban kiểm soát, Giám đốc Công ty hay **người đi hành khác;**

thì các bên liên quan sẽ cùng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trường hợp tranh chấp liên quan tới HĐQT hay Chủ tịch HĐQT thì Chủ tịch Hội đồng quản trị vì các giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu trình bày các yếu tố liên quan đến tranh chấp trong vòng mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bên nào có thể yêu cầu Ban kiểm soát hoặc một cơ quan chuyên môn chuyên môn tư vấn chuyên gia lập hành động giải quyết là tài liệu cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không thể cùng quy trình hòa giải trong vòng 6 tuần kể từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quy trình trung gian hòa giải không có các bên chấp thuận, bên nào có thể đưa tranh chấp đó ra Tòa án kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.

3. Các bên sẽ chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Các chi phí của tòa án sẽ do tòa án quyết định bên nào phải chịu.

Chương XIII:
LIÊN KẾT THỊ HÀNH

Điều 59. Bổ sung và sửa đổi nội quy

1. Việc sửa đổi, bổ sung nội quy này phải có sự đồng ý của công nhân viên xét quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan nội quy của Công ty chưa được cập nhật trong bản nội quy này hoặc trong trường hợp có những quy định của pháp luật khác với những nội quy trong nội quy này thì những quy định của pháp luật đó sẽ áp dụng và nội quy của Công ty.

Điều 60. Nội quy thị hành

1. Bản nội quy này gồm XIII chương và 60 điều, có hiệu lực công bố Công ty cổ phần Than Tây Nam Á Mới - Vinacomin nhật trí thông qua ngày 24 tháng 04 năm 2018 tại **trụ sở** Công ty cổ phần Than Tây Nam Á Mới - Vinacomin và cùng chấp thuận nội quy toàn văn của nội quy này.

2. Nội quy sẽ có thành 10 bản, có giá trị như nhau, trong đó:

- 05 bản nguyên ký tịch quan chính quy định theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố ;

- 05 bản lưu trữ tại Văn phòng Công ty.

3. Điều này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục điều Công ty phải có chôn cất ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc ít nhất 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị.

H , tên, chôn cất ký của các thành viên Hội đồng quản trị Công ty

CÁC Y VIÊN

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY
CHỦ TỊCH**

NGUYỄN XUÂN LẬP.....

VĂN TRẦN NGUYỄN.....

NGUYỄN TRẦN NGUYỄN.....

PHẠM CAO NGHĨA.....

HOÀNG MINH HIỆU